

**PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON HOA ANH ĐÀO**

Số: 123/KHGD-MNHAĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bình Khê, ngày 22 tháng 8 năm 2024

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2024 - 2025**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG

Căn cứ luật giáo dục số 43/2019/QH14 của Quốc Hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam. Điều 8 Chương trình giáo dục và điều 25 chương trình Giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 01/2021/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non;

Căn cứ công văn số: 2324/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số: 1454/PGD&ĐT, ngày 21 tháng 8 năm 2024 của phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 và hướng dẫn tổ chức tựu trường, khai giảng năm học 2024-2025;

Căn cứ đánh giá hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục mầm non của nhà trường, của các nhóm lớp, của đội ngũ giáo viên trường mầm non Hoa Anh Đào năm học 2024-2025;

Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị và xã Bình Khê, trường mầm non Hoa Anh Đào thực hiện xây dựng Kế hoạch phát triển chương trình nhà trường năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

II. BỐI CẢNH, ĐIỀU KIỆN CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Bối cảnh bên ngoài.

1.1. Cơ hội:

- Công tác chăm sóc và giáo dục của nhà trường luôn được sự quan tâm của Đảng uỷ, chính quyền, các ban ngành đoàn thể địa phương, đặc biệt luôn được sự chỉ đạo tận tình của Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều cũng như các ban ngành đoàn thể của UBND thị xã Đông Triều đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng đảm bảo nhu cầu của đơn vị.

- Tình hình chính trị xã hội tại địa phương ổn định, các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện các chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” các giai đoạn của chương trình giáo dục mầm non đã dần đi vào cuộc sống, giúp nâng cao nhận thức, chung tay hành động của gia đình, xã hội và cộng đồng

Phân công giáo viên đi từng thôn, xóm huy động các cháu trong độ tuổi ra lớp, giao chỉ tiêu cụ thể cho từng nhóm, lớp theo các thôn, xóm. Giáo viên chủ nhiệm lớp thường xuyên động viên khuyến khích trẻ đến lớp, thăm hỏi kịp thời khi trẻ nghỉ học và đề ra nội quy của lớp.

Tổ chức tốt ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường và ngày khai giảng năm học mới tạo ấn tượng sâu sắc cho trẻ, các bậc phụ huynh và nhân dân.

- Tổng số nhóm lớp: 09 nhóm lớp, trong đó:

+ Nhà trẻ: 04 nhóm

+ Mẫu giáo: 05 lớp

- Số trẻ:

Độ tuổi	Tổng số trẻ đến trường	Tổng số trẻ được giao	Đạt tỷ lệ % so với KH giao	Ghi chú (tổng số điều tra)
Nhà trẻ	28	53	52,8	
MG 3 - 5 Tuổi	112	114	98,2	
MG 5 tuổi	43	43	100	

Đa số phụ huynh làm nông nghiệp có mức sống trung bình, có nhận thức đúng đắn về giáo dục mầm non nên nhà trường nhận được sự đồng thuận cao của các bậc phụ huynh trong việc giáo dục trẻ như:

- + Thực hiện đầy đủ, kịp thời các yêu cầu của nhà trường đề ra.
- + Phối hợp với nhà trường và giáo viên trong việc thực hiện chương trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.
- Tham gia vào các phong trào của nhà trường như:
- + Đóng mở chủ đề
- + Tham gia cải tạo môi trường, xây dựng Vườn hoa, vườn rau của bé.
- + Góp nguyên vật liệu làm đồ dùng, đồ chơi.
- + Ủng hộ cây xanh, chậu hoa, cây cảnh trang trí lớp học tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên tổ chức các hoạt động cho trẻ.

1.2.Thách thức:

- Số trẻ sinh không đều theo các năm vì vậy số học sinh trên các nhóm lớp không đồng đều.
- Đa số cha mẹ trẻ bận đi làm ít có thời gian tham gia các hoạt động của nhà trường, việc đưa đón trẻ chủ yếu là ông bà nên việc trao đổi thông tin hai chiều còn bất cập.
- Phụ huynh có tư tưởng kỳ vọng và có mong muốn trẻ được học chương trình giáo dục mầm non cao so với quy định đã gây nhiều áp lực cho CBGV trong nhà trường.

2. Bối cảnh bên trong nhà trường

2.1. Điểm mạnh:

Được thành lập năm 2009, Cơ sở vật chất trang thiết bị dạy và học tương đối đầy đủ, hằng năm nhà trường làm tốt công tác phát triển, huy động trẻ đến trường đạt, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Trường Mầm non Hoa Anh Đào có 2 điểm trường, điểm chính trung tâm Ninh Bình và điểm lẻ Dục Mản. Tổng diện tích đất toàn trường là 5,930m². Khuôn viên của nhà trường có tường rào bằng gạch, ngăn cách với bên ngoài; 100% các điểm trường đều có cổng trường, biển tên trường theo quy định tại Điều lệ Trường mầm non; góp phần đảm bảo an toàn cho trẻ.

Số lượng và cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bảo đảm tối thiểu theo quy định.

Đội ngũ giáo viên nhiệt tình tâm huyết, nhiều giáo viên có tay nghề vững, sáng tạo trong giảng dạy, tích cực tham gia các hội thi, hội giảng của Ngành tổ chức. Tại thời điểm toàn trường có 02 giáo viên đạt dạy giỏi cấp tỉnh, 12 giáo viên đã đạt danh hiệu dạy giỏi cấp Cơ sở, 15/17 giáo viên đã đạt danh hiệu dạy giỏi cấp trường.

Cán bộ quản lý, giáo viên, có trình độ được đào tạo đạt chuẩn trở lên; giáo viên được xếp loại Đạt trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; cán bộ quản lý được xếp loại Đạt trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non; cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến nhiệm vụ để đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

Nhân viên có trình độ chuyên môn bảo đảm theo quy định, được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến nhiệm vụ theo vị trí việc làm trong cơ sở giáo dục mầm non.

Xây dựng đội ngũ đoàn kết, thống nhất, có chất lượng chuyên môn ổn định, có phong trào thi đua thường xuyên, tạo được niềm tin đối với phụ huynh. Nhiều năm trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, xuất sắc.

2.2. Điểm yếu:

- **Việc áp dụng các** phương pháp giáo dục tiên tiến ở một số giáo viên còn hạn chế.
- Chưa bố trí được các khu vực khám phá thiên nhiên phong phú tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện;
- Cơ sở vật chất hiện tại trường còn thiếu 02 phòng học; 01 phòng thể chất; Một số đồ dùng đồ chơi theo thông tư 02 đã được cấp nhiều năm đến nay đã cũ hỏng nhiều.
- Đội ngũ: Tổng số CBGV, NV: 22, 03 CBQL, 17 Giáo viên, 02 nhân viên
Trong đó: 19/22 có trình độ chuyên môn trên chuẩn: 03 đạt chuẩn.
- Một số ít phụ huynh chưa thật sự quan tâm đến các hoạt động của trường

2.3. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

Tầm nhìn

Nhà trường luôn duy trì và phát triển là địa chỉ tin cậy của bậc phụ huynh sớm xây dựng thành công là ngôi trường MN Hoa Anh Đào hạnh phúc.

Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường vui chơi- học tập lành mạnh, an toàn, gần gũi, thân thiện để mở rộng vốn hiểu biết, kinh nghiệm sống cho trẻ; Hình thành nhân cách toàn diện cho trẻ Mầm non.

Giá trị cốt lõi

Giữ gìn những giá trị mang tính tốt đẹp nhân văn trong môi trường giáo dục. Chất lượng, chuyên nghiệp và hiệu quả là mục tiêu hàng đầu, là nguyên tắc và định hướng cho các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ, là yếu tố quyết định cho sự phát triển trong xây dựng trường học hạnh phúc, lớp học hạnh phúc, giáo viên hạnh phúc, trẻ hạnh phúc với phương

châm “Bỏ áp lực thành tích - Mang đến điều con thích”. Với “ Tình thân trách nhiệm - Tình yêu thương.- Tính trung thực- Tình đoàn kết-Tư duy sáng tạo”.

III. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách của trẻ, hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn để trở thành công dân toàn cầu, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

2. Mục tiêu chương trình giáo dục nhà trẻ:

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ; *khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, những năng lực, phẩm chất cần thiết làm nền tảng để trở thành công dân toàn cầu.*

2.1. Phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

2.2. Phát triển nhận thức

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

2.3. Phát triển ngôn ngữ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.

- Hồn nhiên trong giao tiếp.

2.4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện....

3. Mục tiêu chương trình giáo dục mẫu giáo:

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ và chuẩn bị cho trẻ 5-6 tuổi vào học ở tiểu học. Hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo.

Trẻ mẫu giáo 3 - 6 tuổi làm quen với công nghệ số với mục tiêu dạy trẻ biết thao tác cơ bản khi cho trẻ sử dụng một số thiết bị dạy học thông minh và chơi các trò chơi trong phần mềm KIDMAST, màn hình cảm ứng để củng cố kiến thức của các hoạt động học tập đồng thời tạo tiền đề và kĩ năng sử dụng thiết bị điện tử.

Trẻ mẫu giáo làm quen với Tiếng Anh thông qua các hoạt động: Giao tiếp, nhận biết các chữ cái, chữ số, tên gọi các con vật, đồ vật...; Phát âm bằng Tiếng Anh một số từ chào hỏi đơn giản;

Trẻ mẫu giáo 3 - 6 tuổi bước đầu hình thành nhận biết được các quyền trẻ em và biết tôn trọng quyền của người khác.

3.1. Phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ[35].
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

3.2. Phát triển nhận thức

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.
- *Có khả năng sử dụng 1 số thao tác đơn giản trên máy tính trong chơi trò chơi, các hoạt động và làm theo yêu cầu của cô.*
- *Có những hiểu biết ban đầu về quyền con người .*

3.3. Phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.
- *Có khả năng làm quen, nói một số câu tiếng Anh đơn giản trong giao tiếp; một số từ chỉ sự vật hiện tượng quen thuộc gần gũi thông qua các hoạt động giáo dục hằng ngày (con vật, hoa quả , cây cối, màu sắc, chữ cái và số..) theo khả năng của trẻ.*

3.4. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

3.5. Phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

4. Kế hoạch thực hiện

a) Phân phối thời gian

Thực hiện Chương trình GD nhà trường 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của cơ sở giáo dục mầm non theo công văn số: 1454/PGD&ĐT, ngày 21 tháng 8 năm 2024 của phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc thực hiện khung thời gian năm học 2024-2025 và hướng dẫn một số nội dung chuẩn bị cho năm học 2024-2025

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Chế độ sinh hoạt:

- Nhà trẻ:

MÙA HÈ		MÙA ĐÔNG	
Thời gian	Hoạt động	Thời gian	Hoạt động
6h45' - 7h45'	Đón trẻ	7h00' - 8h00'	Đón trẻ
7h45' - 9h45'	Chơi - Tập	8h00' - 9h00'	Chơi - Tập
9h45' - 10h45'	Ăn chính	9h00' - 10h00'	Ăn chính
10h45' - 13h15'	Ngủ	10h00' - 13h00'	Ngủ
13h15' - 13h45'	Ăn phụ	13h00' - 13h30'	Ăn phụ
13h45' - 14h45'	Chơi - Tập	13h30' - 14h30'	Chơi - Tập
14h45' - 15h45'	Ăn chính	14h30' - 15h30'	Ăn chính
15h45' - 16h45'	Chơi/Trả trẻ	15h30' - 16h30'	Chơi/Trả trẻ

- Mẫu giáo:

MÙA HÈ		MÙA ĐÔNG	
Thời gian	Hoạt động	Thời gian	Hoạt động
6h45' - 8h00'	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng	7h00' - 8h15'	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
8h00' - 8h40'	Học	8h15' - 8h55'	Học
8h40' - 9h30'	Chơi, hoạt động ở các góc	8h55' - 9h45'	Chơi, hoạt động ở các góc

9h30' - 10h10'	Chơi ngoài trời	9h45' - 10h25'	Chơi ngoài trời
10h10' - 11h10p	Ăn bữa chính	10h25' - 11h35'	Ăn bữa chính
11h10' - 13h40'	Ngủ	11h35' - 13h55'	Ngủ
13h40' - 14h10'	Ăn bữa phụ	13h55' - 14h25'	Ăn bữa phụ
14h10' - 15h30'	Chơi, hoạt động theo ý thích	14h25' - 15h45'	Chơi, hoạt động theo ý thích
15h30' - 16h40'	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ	15h45' - 16h55'	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

IV. Nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo độ tuổi và Kết quả mong đợi (mục tiêu)

1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

1.1 Nhà Trẻ:

a. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày)
18 - 24 tháng	Cơm nát + Sữa mẹ	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal
24 - 36 tháng	Cơm thường		

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Hai bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

b. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 3 đến 12 tháng ngủ 3 giấc, mỗi giấc khoảng 90 - 120 phút.
- Trẻ từ 12 đến 18 tháng ngủ 2 giấc, mỗi giấc khoảng 90 - 120 phút.
- Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

c. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.
- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

d. Chăm sóc sức khỏe và an toàn.

- Khám sức khỏe định kỳ 02 lần/ năm (tháng 09 và 03). Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi: Trẻ dưới 24 tháng cân, đo 1 lần/ tháng, Trẻ từ 24 tháng tuổi trở lên cân đo cho trẻ mỗi quý 1 lần. Trẻ SDD cân đo 1 tháng 1 lần. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

Thực hiện tốt bảng kiểm theo Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GD “Thông tư quy định về Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non”.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

1.2. Trẻ mẫu giáo

a) Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi. Xây dựng thực đơn hàng ngày theo tuần, theo mùa. Các món ăn của thực đơn không lặp lại trong 2 - 4 tuần để tránh cho trẻ không bị nhàm chán; khẩu phần ăn cho trẻ ở các độ tuổi đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định của Chương trình GDMN.

Thực đơn: Chú trọng khâu chế biến, phối hợp đa dạng các loại thực phẩm để cung cấp nhiều chất dinh dưỡng khác nhau cho cơ thể. Yêu cầu tối thiểu: Bữa chính đạt tối thiểu 5 - 7 loại thực phẩm và bao gồm các món cơm, món mặn, món canh. Hạn chế sử dụng thực phẩm đóng gói và chế biến sẵn, hạn chế đường và muối; lựa chọn, sử dụng sữa và các chế phẩm từ sữa phù hợp với độ tuổi trẻ mầm non.

Niên yết công khai thực đơn ở cửa lớp để cha mẹ trẻ cùng phối hợp trong việc tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà (khẩu phần đã thực hiện tại trường so với khẩu phần khuyến nghị cả ngày, thay đổi món ăn so với ở trường...). Tỷ lệ dinh dưỡng duy trì ở mức: Với nhà trẻ: P:13 - 20%, L: 30 - 40%, G: 47- 50%; Với mẫu giáo: P:13 - 20%, L: 25 - 35%, G: 52- 60%.

- Hợp phụ huynh học sinh đầu năm thống nhất mức tiền ăn: 20.500đ/cháu/ngày: Ăn 2 bữa: 1 bữa chính và 1 bữa phụ

- Nhu cầu nước của trẻ từ 0,8-1,6 lít/ trẻ/ ngày/(bao gồm nước uống và ăn). Nước uống đựng trong bình có nắp đậy kín. Có hệ thống máy nóng lạnh đảm bảo đủ nước ấm cho trẻ uống vào mùa đông.

- Đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn, uống: Có đủ bàn, ghế đúng quy cách cho trẻ, tuyệt đối không để trẻ đứng hoặc ngồi ăn ở dưới sàn nhà. Có đủ dụng cụ chia thức ăn cho trẻ; đủ bát, thìa, kích thước phù hợp cho mỗi trẻ, chuẩn bị dư số bát, thìa so với số trẻ để phòng trẻ làm rơi. Đồ dùng ăn, uống của trẻ đảm bảo vệ sinh; đủ cốc uống nước, khăn lau mặt có kí hiệu riêng cho mỗi trẻ.

- Giáo viên thực hiện tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng, thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt. Đặc biệt giáo viên chú ý đến từng cá nhân trẻ để có biện pháp chăm sóc nuôi dưỡng phù hợp.

b) Tổ chức ngủ

- Tổ chức cho trẻ ngủ theo đúng thời gian. Thời gian ngủ của trẻ: Trẻ ngủ tại trường 1 giấc: 150 phút

- Chuẩn bị đồ dùng cho trẻ ngủ chu đáo: sập, chiếu, gối, chăn, đệm, sắp xếp vị trí nằm cho trẻ phù hợp: Khu vực trẻ ngủ phải thoáng đãng, sạch sẽ, tránh tổ chức ngủ tại khu vực gần nhà vệ sinh, khu vực bị ô nhiễm.

- Giáo viên trực thường xuyên phát hiện và xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi trẻ ngủ.

- Cần chú ý đến đặc điểm riêng của trẻ. Những trẻ yếu hoặc có nhu cầu ngủ nhiều nên cho ngủ trước. Những trẻ hay quấy khóc, chưa quen với nề nếp ở nhà trẻ, cô nên dỗ trẻ, cho trẻ ngủ riêng.

- Giáo viên hướng dẫn trẻ cùng chuẩn bị chỗ ngủ, nhắc trẻ đi vệ sinh, tự đi đến chỗ ngủ. Ngoài cử chỉ nhẹ nhàng, lời nói dịu dàng, dỗ trẻ ngủ, cô nên hát những bài hát ru, dân ca hoặc mở nhạc nhẹ để ru trẻ ngủ.

- Về mùa hè, nếu dùng quạt điện chú ý vận tốc độ vừa phải và để xa từ phía chân trẻ: nếu dùng điều hòa nhiệt độ không để nhiệt độ quá lạnh. Khi trẻ ngủ không mặc quá nhiều quần áo, nhưng đảm bảo cho trẻ đủ ấm về mùa đông.

- Cần giữ yên tĩnh khi trẻ ngủ, tránh cười, nói to và những tiếng động mạnh làm trẻ giật mình.

- Nếu có trẻ thức dậy sớm và quấy khóc, cô cần dỗ dành trẻ ngủ tiếp, nếu trẻ không ngủ nữa thì đưa trẻ sang chỗ khác, dỗ trẻ chơi (cho trẻ đi vệ sinh trong khi ngủ khi trẻ có nhu cầu).

c) Vệ sinh

**** Vệ sinh cá nhân***

- Vệ sinh cá nhân cho trẻ:

+ Chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ: vò nước, gáo, chậu, khăn, giấy vệ sinh.

+ Hướng dẫn trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định. Dạy trẻ cách giữ vệ sinh cho bản thân, giữ gìn nhà vệ sinh sạch sẽ.

+ Hướng dẫn trẻ rửa tay trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh theo đúng trình tự, đảm bảo vệ sinh.

+ Nhắc trẻ uống nước, súc miệng sau khi ăn.

+ Không cho trẻ mặc quần, áo ẩm ướt. Cởi bớt quần áo cho trẻ khi trời nóng, mặc thêm áo khi trời lạnh.

** Vệ sinh đối với giáo viên:*

+ Quần áo, đầu tóc phải luôn gọn gàng, sạch sẽ.

+ Đảm bảo bàn tay phải luôn sạch sẽ khi chăm sóc trẻ.

** Vệ sinh môi trường*

- Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:

+ Ca, cốc, bát thìa phục vụ cho trẻ ăn, uống phải luôn được vệ sinh sạch sẽ, để đúng nơi quy định. Mỗi trẻ có ca, cốc, bát thìa khăm mặt riêng.

+ Bình đựng nước cho trẻ có nắp đậy, được vệ sinh hằng ngày, để nơi sạch sẽ.

+ Bàn ghế, đồ dùng trong lớp thường xuyên lau sạch sẽ.

+ Đồ chơi luôn được vệ sinh sạch sẽ an toàn khi trẻ chơi. Hàng tuần, vệ sinh đồ chơi của trẻ ít nhất một lần.

- Vệ sinh phòng nhóm:

+ Mỗi ngày lau nhà ít nhất 3 lần: trước giờ đón trẻ, sau 2 bữa ăn.

+ Không đi guốc, dép bẩn vào phòng trẻ. Tổng vệ sinh phòng nhóm 1 lần/ tuần.

+ Vệ sinh sân trường sạch sẽ, khơi thông cống rãnh, phát quanh bụi rậm quanh trường...

- Vệ sinh nhà vệ sinh: Đảm bảo nhà vệ sinh luôn sạch sẽ, không có mùi, an toàn và thoải mái khi trẻ sử dụng. Hàng ngày tổng vệ sinh trước khi ra về.

- Xử lý rác thải: Rác thải thu gom, phân loại và đổ rác đúng nơi quy định. Giáo dục trẻ bỏ rác đúng nơi quy định.

- Cung cấp đủ nước sạch cho trẻ,

** Về sinh môi trường ngoài lớp học*

+ Làm tốt công tác tuyên truyền về việc bảo vệ môi trường.

+ Trang bị được các khu các thùng rác to có nắp đậy, để thu gom rác thải hàng ngày.

+ Phối hợp chặt chẽ với tổ thu gom rác thải thôn Phú Xuân để thực hiện tốt về việc xử lý rác thải đúng quy định để bảo vệ môi trường chung sạch sẽ.

d) Chăm sóc sức khỏe và an toàn

Thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo về phòng chống dịch bệnh theo mùa; trang bị các thiết bị, đồ dùng cần thiết để phòng chống dịch; thường xuyên vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp, vệ sinh đồ dùng trong lớp.

- Hướng dẫn phụ huynh thực hiện các biện pháp để phòng tránh dịch bệnh theo mùa. Phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn cho trẻ khi ở nhà cũng như khi đến trường.

- Khám sức khỏe, điều trị theo các chuyên khoa: Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe cho trẻ vào tháng 9/2024. Phối hợp với Trung tâm y tế huyện để khám chuyên khoa cho trẻ vào tháng 3/2025. Lưu kết quả và thông báo cho gia đình kết quả kiểm tra sức khỏe của trẻ.

- Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ:

+ Cân, đo trẻ mỗi quý 1 lần vào tháng 9, 12, 3. Cân và theo dõi hàng tháng trẻ bị suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, béo phì, trẻ bị ốm kéo dài, sức khỏe giảm sút.

+ Sau mỗi lần cân đo, chấm biểu đồ và cập nhập trên phần mềm quản lý trẻ để phát hiện trẻ suy dinh dưỡng, trẻ béo phì

- Phòng và xử trí một số bệnh thường gặp:

+ Nhắc nhở và tuyên truyền cho phụ huynh tiêm phòng đầy đủ cho trẻ theo hướng dẫn của y tế địa phương. Theo dõi chặt chẽ tình trạng sức khỏe của trẻ sau tiêm chủng.

+ Nếu trong lớp, trường có một số trẻ mắc cùng một bệnh cần tìm nguyên nhân, có biện pháp phối hợp với nhân viên y tế tìm biện pháp giải quyết.

+ Khi trẻ mắc bệnh truyền nhiễm phải để trẻ ở nhà trong thời kỳ lây bệnh và theo dõi những trẻ khỏe để đề phòng dịch bệnh xảy ra.

- Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ ốm:

+ Khi đón trẻ và chăm sóc trẻ trong cả ngày, nếu thấy gì bất thường phải theo dõi tình hình sức khỏe của trẻ một cách cẩn thận. Nếu có nghi ngờ trẻ mắc bệnh truyền nhiễm phải đưa đến phòng y tế của trường hoặc đưa đến khám ở cơ sở y tế gần nhất, đồng thời báo cho bố mẹ đến đưa trẻ về nhà chăm sóc.

+ Phát hiện sớm một số bệnh thường gặp ở trẻ: Nhiễm khuẩn đường hô hấp, ỉa chảy, nôn mửa.

- Dành thời gian tiếp xúc vui vẻ với trẻ, tạo không khí thân mật như ở gia đình. Tránh gò ép, dọa nạt, phê phán trẻ.

- Không để xảy ra tai nạn và thất lạc trẻ.

- Bảo đảm đủ ánh sáng cho lớp học, tạo không gian cho trẻ hoạt động trong lớp không kê bày bàn ghế quá nhiều, sắp xếp đồ dùng đồ chơi trong nhóm hợp lý.

- Nhà vệ sinh phù hợp, tránh để sàn bị trơn dễ gây trượt ngã.

- Giáo viên cần có ý kiến kịp thời khi thấy cơ sở vật chất chưa đảm bảo an toàn cho trẻ tại nhóm lớp mình phụ trách với ban giám hiệu.

- Lập nhóm zalo của lớp để thường xuyên trao đổi với phụ huynh về tình hình chăm sóc, sức khỏe của trẻ

- Tạo môi trường tâm lý thoải mái và an toàn cho trẻ hoạt động.

2. Giáo dục

ĐỘ TUỔI: 12 - 24 THÁNG

1. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
MT1: - Trẻ được ăn hai bữa chính và một bữa phụ đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định. - Trẻ được ăn theo thực đơn, phù hợp với lứa tuổi, nguồn thực phẩm của địa phương và được thay đổi không trùng lặp.	Chế độ ăn: Cơm nát, cơm thường, + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.
MT2: Trẻ được Ngủ 1 giấc ngủ trưa đúng giờ, đủ giấc và an toàn.	- Ngủ trưa đúng, đủ giờ 150 phút
MT3: Trẻ biết vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường	- Vệ sinh cá nhân: Rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

MT4: - Trẻ biết phòng tránh các bệnh thường gặp. - Trẻ được theo dõi tiêm chủng. - Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp: Cúm mùa, đau mắt đỏ, tay chân miệng,... - Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp: Ngã, đi lạc, hóc, sặc...
MT5: Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A + Trẻ trai: cân nặng từ 10,9 đến 12,2 kg, chiều cao từ 82,3cm đến 87,8 cm. + Trẻ gái: cân nặng từ 10,2 đến 11,5kg, chiều cao từ 80,7cm đến 86,4cm	- Khám sức khỏe cho trẻ 2 lần/năm: Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe cho trẻ đầu và cuối năm học. - Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ: + Cân, đo mỗi quý 1 lần vào tháng 9, 12, 3. Cân và theo dõi hàng tháng trẻ bị suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, béo phì.

2. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
Phát triển vận động	
<i>Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</i>	
MT6: Trẻ thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp.	- Hô hấp: Tập hít thở - Tay: Giơ cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên. - Chân: Dạng sang hai bên, ngồi xuống, đứng lên.
<i>Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu</i>	

MT7: Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò, trườn	- Bò, trườn tới đích - Bò, trườn tới vật chuẩn - Bò về phía trước có mang vật trên lưng - Bò chui (chui dưới dây/ gậy kê cao)
MT8: Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi	- Đi theo hướng thẳng; - Đi trong đường hẹp; - Đi có mang vật trên tay. - Đi bước qua vật cản
MT9: Trẻ thực hiện phối hợp tay - mắt trong vận động tung, bắt bóng.	- Ngồi lăn bóng bằng 2 tay
MT10: Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động chạy theo cô.	- Chạy theo cô
MT11: Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng.	- Ném bằng một tay - Ném bóng qua dây - Đứng ném, tung bóng - Đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m
<i>Thực hiện vận động của bàn tay ngón tay</i>	
MT12: Trẻ biết vận động bàn tay, ngón tay	- Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay
MT13: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động	- Đóng mở nắp có ren - Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật
MT14: Trẻ biết tháo lắp, lồng hộp.	- Trẻ biết tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông - Xếp chồng 4 - 5 khối.
GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE	
<i>Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt</i>	

MT15: Trẻ biết thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ	- Rèn trẻ đi vệ sinh theo giờ. - Hướng dẫn trẻ làm quen với thời gian biểu, thời khoá biểu
MT16: Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.
MT17: Trẻ có một số nề nếp thói quen trong sinh hoạt hàng ngày.	- Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt : Ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau miệng, uống nước sau
MT18: Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.
MT 19: Trẻ ngủ được một giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ một giấc trưa
MT20: Trẻ biết thể hiện một số nhu cầu về ăn uống và vệ sinh bằng cử chỉ	- Trẻ nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, đi vệ sinh
Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	
MT21: Trẻ biết cầm được thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước, tự đi dép.	- Xúc cơm, uống nước - Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần, áo khi bị bẩn,
MT22: Trẻ làm được một số việc tự phục vụ với sự giúp đỡ của người lớn	- Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập một số thói quen đơn giản trong rửa tay, lau mặt.
MT23: Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi ra ngoài nắng; đi giày dép: mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Trẻ có thói quen khi đi ra ngoài là phải đội mũ, áo nắng, giày dép
Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	
MT24: Nhận biết và tránh một số vật dụng nguy, nơi nguy hiểm (như bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng	Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm: bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng,... khi được nhắc nhở.
MT25: Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc	Biết và tránh một số hành động nguy hiểm: leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn,... khi được nhắc nhở.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
Luyện tập và phối hợp các giác quan	

MT26: Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của các đối tượng.	- Sờ nắn, lắc gõ đồ chơi và nghe âm thanh. - Ngửi mùi của một số hoa quả quen thuộc, gần gũi - Nếm vị của một số quả, thức ăn.
MT27: Trẻ biết tìm đồ chơi vừa mới cất giấu	- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu
MT28: Nghe các âm thanh khác nhau	- Nghe âm thanh và tìm ra nơi phát ra âm thanh
Nhận biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi.	
MT29: Chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của con người khi được hỏi.	- Trẻ nói được tên một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
MT30: Chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên của bản thân - Tên của những người thân gần gũi trong gia đình
MT31: Bắt chước hành động đơn giản của những người thân	- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.
MT32: Trẻ biết tên đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	- Tên đồ dùng, đồ chơi quen thuộc của bản thân
MT33: Chỉ hoặc nói được tên cô giáo và các bạn trong lớp	- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp
MT34: Trẻ biết tên của phương tiện giao thông gần gũi.	- Tên của phương tiện giao thông gần gũi.
MT35: Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, hoa, quả quen thuộc	- Chỉ/lấy/nói tên và đặc điểm nổi bật của con vật, hoa, quả, quen thuộc.
MT36: Chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, xanh
MT37: Chỉ/ lấy/ nói tên đồ chơi theo yêu cầu.	- Kích thước to - nhỏ
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
Nghe hiểu lời nói	
MT38: Trẻ nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.

MT39: Trẻ nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.
MT40: Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: Ví dụ: “Đi đến đây, đi rửa tay”	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói
MT41: Nghe các câu hỏi: “Ở đâu?” “Con gì?”; “Cái gì?”; “Làm gì?” “Thế nào?” Ví dụ: Con gà gáy thế nào?	- Hiểu được từ “Không” dừng hành động khi nghe “Không được lấy” “Không được sờ” - Trả lời được câu hỏi đơn giản “Ai đây?”; “Con gì đây?”; “Cái gì đây?”;
MT42: Trẻ Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, chuyện kể đơn giản theo tranh.	- Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, chuyện kể đơn giản theo tranh.
Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	
MT43: Phát âm các âm khác nhau	- Nhắc lại được từ và câu ngắn: Con vịt, Vịt bơi, Bé đi chơi.
MT44: Trẻ đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ
MT45: Trẻ nói được câu 2-3 tiếng: Con đi chơi, bóng đá, mẹ đi làm....	- Trẻ nói được câu 2-3 tiếng...
MT46: Trẻ biết sử dụng lời nói để thể hiện nhu cầu của bản thân	- Chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân: (Cháu uống nước, cháu muốn...)
Làm quen với sách	
MT47: Trẻ biết mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.	- Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI	
MT48: Nhận biết được tên gọi hình ảnh của bản thân	- Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (Chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi)
MT49: Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi	- Giao tiếp với cô và bạn

MT50: Trẻ biết cảm nhận và biểu lộ cảm xúc, vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh
MT51: Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật nuôi quen thuộc, gần gũi.	- Trẻ quan tâm đến con vật nuôi.
MT52: Biết chào, tạm biệt, cảm ơn.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”
MT53: Trẻ biết sử dụng đồ dùng, đồ chơi trong lớp	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
MT54: Thích nghe hát và vận động theo nhạc (Dậm chân, lắc lư, vỗ tay...)	- Hát theo và vận động đơn giản theo nhạc - Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh các nhạc cụ
MT55: Trẻ thích vẽ, xem tranh	- Tập cầm bút vẽ. - Xem tranh

Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện

TT	TÊN CHỦ ĐỀ	CÁC SỰ KIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Bé và các bạn	- Tết trung thu	4 tuần: Từ 09/09/2024 đến 4/10/2024	
2	Đồ chơi của bé	- Ngày 20/10	4 tuần: Từ 07/10/2024 đến 01/11/2024	
3	Các cô, bác trong trường mầm non	- Ngày hội của cô giáo	4 tuần: Từ 4/11/2024 đến 29/11/2024	
4	Những con vật đáng yêu	- Ngày 22/12	4 tuần: Từ 02/12/2024 đến 27/12/2024	
5	Tết và mùa xuân	- Tết Nguyên đán	4 tuần: Từ 30/12/2023 đến 24/01/2025	
6	Cây và những bông hoa đẹp	- Ngày 08/3	4 tuần: Từ 10/02/2025 đến 07/3/2025	
7	Mẹ và những người thân yêu của bé		3 tuần: Từ 10/3/2025 đến 28/3/2025	
8	Bé có thể đi khắp nơi bằng những phương tiện gì		4 tuần: Từ 31/3/2025 đến 25/4/2025	
9	Mùa hè đến rồi		4 tuần: Từ 28/4/2025 đến 23/5/2025	

ĐỘ TUỔI: 24 - 36 THÁNG

1. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
MT1: - Trẻ được ăn hai bữa chính và một bữa phụ đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định. - Trẻ được ăn theo thực đơn, phù hợp với lứa tuổi, nguồn thực phẩm của địa phương và được thay đổi không trùng lặp.	Chế độ ăn: Cơm nát, cơm thường, + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.
MT2: Trẻ được Ngủ 1 giấc ngủ trưa đúng giờ, đủ giấc và an toàn.	- Ngủ trưa đúng, đủ giờ 150 phút
MT3: Trẻ biết vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường	- Vệ sinh cá nhân: Rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.
MT4: - Trẻ biết phòng tránh các bệnh thường gặp. - Trẻ được theo dõi tiêm chủng. - Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp: Cúm mùa, đau mắt đỏ, tay chân miệng,... - Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp: Ngã, đi lạc, hóc, sặc...

MT5: Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A + Trẻ trai: cân nặng từ 12,2 đến 14,3 kg, chiều cao từ 87,8cm đến 96,1 cm. + Trẻ gái: cân nặng từ 11,5 đến 13,9kg, chiều cao từ 86,4cm đến 95,1cm.	- Khám sức khỏe cho trẻ 2 lần/năm: Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe cho trẻ đầu và cuối năm học. - Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ: + Cân, đo mỗi quý 1 lần vào tháng 9, 12, 3. Cân và theo dõi hàng tháng trẻ bị suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, béo phì.
--	---

2. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
MT6: Trẻ thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vặn người sang hai bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân
Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu	
MT7: Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò, trườn	- Bò thẳng hướng và có vật trên lưng - <i>Bò trong đường hẹp.</i> - <i>Bò trong đường ngoằn ngoèo</i> - Bò chui qua cổng - Bò, trườn qua vật cản - Trườn qua vật cản - <i>Trườn về phía trước.</i>
MT8: Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi	- Đi theo hiệu lệnh, - Đi trong đường hẹp; - Đi có mang vật trên tay.

	- Đứng co một chân.
MT9: Trẻ biết nhún bật	- Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ - Bật xa bằng hai chân
MT10: Trẻ thực hiện phối hợp tay - mắt trong vận động tung, bắt bóng.	- Tung - bắt bóng với cô (ở khoảng cách 1m) - <i>Tung bóng qua dây.</i>
MT11: Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động chạy, thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô.	- Chạy theo hướng thẳng. - Chạy thay đổi tốc độ nhanh chậm theo hiệu lệnh .
MT12: Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng.	- Ném bóng về phía trước (ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m) - Ném bắt bóng vào đích (ném vào đích xa 1-1,2m.) - Đá bóng vào đích (đích xa 1-1,2m)
Thực hiện vận động của bàn tay ngón tay - Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay	
MT13: Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện “ múa khéo”	- Nhón nhặt đồ vật - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách
MT14: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn: vẽ tổ chim: xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Tập xâu, luồn dây, cời cúc, cài, buộc dây - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, vò, xé, đào. - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật
MT15: Trẻ biết chắp ghép được các mảnh hình	- Chắp ghép hình - Xếp chồng 6 - 8 khối
MT16: Trẻ biết cầm được thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước, tự đi dép.	- Xúc cơm, uống nước - Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cời quần, áo khi bị bẩn, ướt, cời tất...

MT17: Trẻ làm được một số việc tự phục vụ với sự giúp đỡ của người lớn.	- Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập một số thói quen đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Tự lấy nước uống, đi vệ sinh..
MT18: Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi ra ngoài nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Trẻ có thói quen khi đi ra ngoài là phải đội mũ, áo nắng, giày dép.
GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE	
Có nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	
MT19: Trẻ biết thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ	- Rèn trẻ đi vệ sinh theo giờ. - Hướng dẫn trẻ làm quen với thời gian biểu, thời khoá biểu của lớp: Giờ đón trẻ; giờ thể dục sáng; giờ chơi tập có chủ định; giờ chơi tự do ở các góc; giờ chơi tập buổi chiều; giờ ăn, ngủ; giờ trả trẻ.
MT20: Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.
MT21: Trẻ có một số nề nếp thói quen trong sinh hoạt hàng ngày.	- Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt : Ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau miệng, uống nước sau khi ăn và vứt rác đúng nơi quy định
MT22: Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.
MT 23: Trẻ ngủ được một giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ một giấc trưa
MT24: Trẻ biết thể hiện một số nhu cầu về ăn uống và vệ sinh bằng cử chỉ.	- Trẻ nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, đi vệ sinh
Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	
MT25: Trẻ biết cầm được thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước, tự đi dép. Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn	- Xúc cơm, uống nước - Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần, áo khi bị bẩn, ướt, cởi tất...
MT26: Trẻ làm được một số việc tự phục vụ với sự giúp đỡ của người lớn	- Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập một số thói quen đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Tự lấy nước uống, đi vệ sinh..

MT27: Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi ra ngoài nắng; đi giày dép: mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Trẻ có thói quen khi đi ra ngoài là phải đội mũ, áo nắng, giày dép
Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	
MT28: Nhận biết và tránh một số vật dụng nguy (như bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng nước) khi được nhắc nhở.	- Biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được sờ vào hoặc đến gần.
MT29: Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Biết 1 số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
Luyện tập và phối hợp các giác quan	
MT30: Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của các đối tượng.	- Sờ nắn một số đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng mềm, trơn nhẵn. - Sờ nắn nhìn ngửi nếm ...đồ vật, hoa quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt- mặn- chua).
MT31: Trẻ biết tìm đồ vật vừa mới cất giấu.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.
MT32: Biết nghe và nhận biết các âm thanh khác nhau.	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật. - Nghe và nhận biết tiếng kêu một số con vật quen thuộc.
Nhận biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi.	
MT33: Nói được tên và chức năng một số bộ phận của cơ thể khi được hỏi.	- Trẻ nói được tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
MT34: Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.
MT35: Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.	- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.

MT36: Trẻ biết tên gọi của một số đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm.	- Tên đồ dùng, đồ chơi của bản thân, của nhóm/ lớp.
MT37: Trẻ biết gọi tên cô giáo và các bạn trong lớp.	- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp.
MT38: Trẻ biết sử dụng một số đồ dùng đồ chơi quen thuộc.	Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng một số đồ chơi quen thuộc.
MT39: Trẻ biết gọi tên, một số đặc điểm của phương tiện giao thông gần gũi.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
MT40: Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, hoa, quả, rau quen thuộc.
MT41: Chỉ nói tên và lấy hoặc cất đúng được màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh.
MT42: Chỉ nói tên hặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to- nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to - nhỏ.
MT43: Trẻ nhận biết được vị trí không gian so với bản thân.	- Vị trí trong không gian: (trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ.
MT44: Trẻ nhận biết hình tròn, hình vuông.	- Hình tròn, hình vuông.
MT45: Trẻ nhận biết số lượng (một và nhiều).	- Số lượng (một và nhiều).
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
Nghe hiểu lời nói	
MT46: Trẻ nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.
MT47: Trẻ nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.
MT48: Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay”.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.

MT49: Trẻ biết trả lời các câu hỏi: “ Ai đây” “Cái gì đây?”; “Làm gì ?”; “ thế nào ?” Ví dụ: Con gà gáy thế nào?.	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?” ;“Ở đâu?”; “ Như thế nào?”; “Để làm gì?” . - Trả lời và đặt câu hỏi “Cái gì?”; “Làm gì?” ;“Ở đâu?”; “ Thế nào?”; “Để làm gì?”; “ Tại sao”.
MT50: Trẻ hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên hành động của các nhân vật.	- Nghe truyện ngắn.
MT51: Trẻ hiểu được nội dung bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố.
Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	
MT52: Trẻ biết phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau.
MT 53: Trẻ biết kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.
MT54: Trẻ đọc được các bài thơ, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc được các bài thơ, đồng dao ngắn có 3 - 4 tiếng.
MT55: Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm hành động quen thuộc trong giao tiếp.
MT56: Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau, chào hỏi khi trò chuyện.	- Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi khi trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề trẻ quan tâm như: cái gì đây?, con gì đây? ...
MT57: Trẻ biết nói rõ ràng đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
MT58: Trẻ biết thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng một, hai câu đơn giản và câu dài.	- Biết thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng một, hai câu đơn giản và câu dài.
Làm quen với sách	

MT59: Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách.
MT60: Trẻ biết xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật hành động gần gũi trong tranh.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI	
MT61: Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên và tuổi).	- Biết gọi tên một số đặc điểm tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân như: mắt, mũi, miệng, tay, chân.
MT62: Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Thể hiện những điều mình thích hay không thích qua ánh mắt, nét mặt, trạng thái của trẻ.
MT63: Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh chơi thân thiện với bạn, chơi cạnh bạn.
MT64: Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn và sợ hãi.	- Biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận của cô.
MT65: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc, vui: buồn sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, tức giận.
MT66: Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Trẻ quan tâm đến con vật nuôi.
MT67: Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa, giao tiếp chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ.
MT68: Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em bé, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi để thể hiện hành vi xã hội đơn giản.
MT69: Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn, chơi cùng bạn không tranh giành đồ chơi của bạn cùng chơi.
MT70: Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện một số yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số quy định đơn giản sinh hoạt ở nhóm lớp, xếp hàng chờ đến lượt để được vào nơi quy định.

MT71: Hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc..	- Hát và tập vận động bài hát đơn giản theo nhạc.
MT72: Trẻ biết lắng nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu bài hát khác nhau, nghe âm thanh nhạc cụ.	Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu bài hát khác nhau, nghe âm thanh nhạc cụ. - <i>Nghe nhạc dân tộc, nhạc nước ngoài.</i>
MT73: Thích tô màu, vẽ, nặn, xé xếp hình, xem tranh (cân bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình.
MT74: Trẻ thích xem tranh.	- Xem tranh ảnh theo chủ đề. - Xem tranh ảnh về các sự vật, con vật gần gũi quen thuộc .

Dự kiến kế hoạch và thời gian thực hiện

TT	TÊN CHỦ ĐỀ	CÁC SỰ KIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Bé và các bạn	- Tết trung thu	4 tuần: Từ 05/09/2024 đến 04/10/2024	
2	Đồ chơi của bé	- Ngày 20/10	4 tuần: Từ 07/10/2024 đến 01/11/2024	
3	Các cô các bác trong trường MN	- Ngày hội của cô giáo	4 tuần: Từ 04/11/2024 đến 29/11/2024	
4	Những con vật đáng yêu	- Ngày 22/12	4 tuần: Từ 02/12/2024 đến 27/12/2024	
5	Tết và mùa xuân	Tết nguyên đán	4 tuần: Từ 30/12/2024 đến 24/01/2025	
6	Cây và những bông hoa đẹp	- Ngày 08/3	4 tuần: Từ 10/02/2025 đến 07/03/2025	
7	Mẹ và những người thân yêu của bé		3 tuần: Từ 10/03/2025 đến 28/03/2025	
8	Bé có thể đi khắp nơi bằng những phương tiện gì		3 tuần: Từ 31/03/2025 đến 18/04/2025	
9	Mùa hè đến rồi		3 tuần: Từ 21/04/2025 đến 09/05/2025	
10	Bé lên mẫu giáo		2 tuần: Từ 12/05/2025 đến 23/05/2025	

ĐỘ TUỔI: 3 - 4 TUỔI

1. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
MT1: - Trẻ được ăn theo chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: - Trẻ được ăn một bữa chính và một bữa phụ - Trẻ được ăn theo thực đơn, phù hợp với lứa tuổi, nguồn thực phẩm của địa phương và được thay đổi không trùng lặp.	- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal. Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.</i> <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.
MT2: Trẻ được ngủ đúng, đủ giấc, an toàn	Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).
MT3: Trẻ được vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường	- Chuẩn bị đồ dùng vệ sinh cá nhân: xà phòng, khăn khô để lau tay, khăn mặt có ký hiệu của trẻ, - Hướng dẫn trẻ cách lau mặt sạch sẽ trước và sau khi ăn. - Hướng dẫn trẻ cách chải răng và kết hợp với gia đình để dạy trẻ, tuyên truyền cho phụ huynh không nên cho trẻ ăn quà vặt phòng bệnh răng miệng. - Hướng dẫn trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, xả nước,

	rửa tay sau khi đi vệ sinh. - Hướng dẫn trẻ giữ gìn quần áo, giày dép sạch sẽ. - Hướng dẫn trẻ vứt rác đúng nơi quy định, không vẽ bằn lên tường, bàn ghế.
MT4: - Trẻ biết phòng tránh các bệnh thường gặp. - Trẻ được theo dõi tiêm chủng. - Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp: Cúm mùa, đau mắt đỏ, tay chân miệng,... - Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp: Ngã, đi lạc, hóc, sặc...
MT5: Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A + Trẻ trai: Cân nặng: 14,3 – 16,3kg Chiều cao: 96,1 – 103,3cm + Trẻ gái: Cân nặng: 13,9 – 16,1kg Chiều cao: 95,1 – 102,7cm	- Theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. - Cân trẻ 3 tháng 1 lần. - Đo trẻ 3 tháng 1 lần - Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần trên năm học.

2. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
Phát triển vận động	
Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
MT6: Thực hiện đủ các động tác trong bài tập theo hướng dẫn.	- Các động tác phát triển hô hấp + Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước

	+ Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Ngồi xổm, đứng lên. Co duỗi chân + Bật tại chỗ
Thể hiện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động	
MT7: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi	- Đi kiễng gót(Đi kiễng gót liên tục 3m). - Đi trong đường hẹp (Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m).
MT8: Trẻ kiểm soát được vận động đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đi đổi hướng theo đường dích dắc.	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng theo đường dích dắc.
MT9: Trẻ kiểm soát được vận động chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, theo hướng dích dắc .	- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh . - Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc.
MT10: Trẻ có thể chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm zíc zắc) không chệch ra ngoài.	- Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc). không chệch ra ngoài.
MT11: Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong vận động chạy liên tục theo hướng thẳng.	- Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng
MT12: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động ném.	- Ném xa bằng 1 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay (Ném trúng đích nằm ngang xa 1,5m)
MT13: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động chuyền bắt bóng.	- Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.
MT14: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động Lăn, Đập,	- Lăn và bắt bóng với cô

Tung bắt bóng.	- Đập và bắt bóng (Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm). - Tung bắt bóng với cô (Bắt được 3 lần liên tục không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m)
MT15: Trẻ biết phối hợp các vận động tay, chân, cơ thể trong vận động bò.	- Bò theo hướng thẳng, bò zíc zắc - Bò chui qua cổng.
MT16: Trẻ có thể khéo léo bò trong đường hẹp không chệch ra ngoài.	- Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m).
MT17: Trẻ biết phối hợp các vận động tay, chân, cơ thể trong vận động trườn.	- Trườn theo hướng thẳng - Trườn theo đích dắc. - Trườn về phía trước. - Trườn chui dưới cổng
MT18: Trẻ có thể bước lên, xuống bục cao (cao 30cm).	- Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm).
MT19: Trẻ thực hiện bật xa tối thiểu 25cm.	- Bật tại chỗ. - Bật về phía trước. - Bật xa 20-25cm.
MT20: Trẻ có thể thực hiện 2 vận động cơ bản theo khả năng hoặc theo yêu cầu.	- Kết hợp thực hiện 2 vận động cơ bản không cùng dạng. - Bài tập tổng hợp.
Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt	
MT21: Trẻ biết thực hiện các vận động của bàn tay, ngón tay.	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay. ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. - Xoay tròn cổ tay.

MT22: Phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.	- Đan (len, dây duy băng, giấy..), tết (tóc, len, dây duy băng..). - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Tự cài, cởi cúc. - Vẽ hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng một đoạn 10cm. - <i>Cầm chuột, di chuột khi làm quen với máy tính</i>
GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE	
MT23: Trẻ nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc	- Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc. - Tên gọi một số món ăn quen thuộc - <i>Biết một số món ăn và thực phẩm đặc sản của địa phương</i> - Biết một số chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể. Biết ăn hết xuất để cơ thể khỏe mạnh
MT24: Trẻ nhận biết các bữa ăn trong ngày	- Biết các bữa ăn trong ngày - Ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất
MT25: Trẻ biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật	- Biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì)
MT26: Trẻ biết thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh
MT27: Trẻ biết các thao tác đánh răng, lau mặt	- Áp dụng phương pháp Motesseri để phát triển kỹ năng cá nhân khi thực hiện làm quen với cách đánh răng, lau mặt

	- Đánh răng nhờ sự giúp đỡ của người lớn
MT28: Trẻ biết các thao tác rửa tay bằng xà phòng	- Tập rửa tay bằng xà phòng - Tự rửa tay bằng xà phòng có sự giúp đỡ của người lớn (Có thể ứng dụng phương pháp Motesseri)
MT29: Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định	- Luyện đi vệ sinh đúng giờ, đúng nơi qui định
MT30: Trẻ biết một số thói quen bảo vệ và giữ gìn sức khỏe	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe
MT31: Trẻ biết lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người
MT32: Trẻ nhận biết được trang phục theo thời tiết	- Biết trang phục theo thời tiết mùa hè, mùa đông. - Chấp nhận đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh
MT33: Trẻ biết được một số biểu hiện khi ốm	- Biết một số biểu hiện khi ốm: Nóng sốt, mệt mỏi, đau đầu... - Nói với người lớn khi đau, khi chảy máu
MT34: Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm	- Phát triển khả năng tưởng tượng, hợp tác nhóm để giải quyết vấn đề nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn (Áp dụng phương pháp Reggio Emilia) - Biết những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng
MT35: Trẻ biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ	- Biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.

MT36: Trẻ biết không được theo người lạ ra khỏi trường.	- Phát triển kỹ năng cá nhân, tính độc lập, khả năng dự đoán và giải quyết các tình huống: + Không được theo người lạ ra khỏi trường + Người lạ đến đón không theo + Người lạ rủ đi chơi không được đi
MT37: Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở	- Không cười đùa trong khi ăn - Không tự lấy thuốc uống - Không leo trèo bàn, ghế, lan can - Không nghịch các vật sắc nhọn
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
Khám phá khoa học	
MT38: Trẻ biết được các bộ phận của cơ thể con người.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
MT39: Trẻ biết được một số phương tiện giao thông.	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.
MT40: Trẻ biết một số quy định giao thông dành cho người đi bộ.	- Trò chuyện, đàm thoại về một số quy định đơn giản về luật giao thông đường bộ(đi trên vỉa hè và bên phải đường...) - Quan sát trò chuyện về những chỉ dẫn của một số biển báo giao thông đơn giản (Đèn hiệu giao thông..)
MT41: Trẻ biết được một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của	Tên gọi, đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật mà trẻ biết (

các con vật.	động vật nuôi trong gia đình, trong rừng, dưới nước..)
MT42: Trẻ biết được một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của các loại cây, hoa, quả quen thuộc.	- Gọi tên, đặc điểm nổi bật và ích lợi của các loại cây, hoa, quả quen thuộc (rau ăn lá, rau ăn quả...)
MT43: Trẻ biết cách chăm sóc và bảo vệ các loại cây, hoa, quả.	- Quan sát: Trồng cây, gieo hạt, sự lớn lên của các loại cây - Cách chăm sóc và bảo vệ các loại cây, hoa, quả (tưới nước, bắt sâu nhỏ cỏ, không bẻ cành ...)
MT44: Trẻ biết cách chăm sóc và bảo vệ con vật.	- Chăm sóc, bảo vệ các con vật (cho ăn, không đánh đập các con vật ...)
MT45: Trẻ biết được môi trường sống của các con vật.	- Biết được nơi sống của chúng (dưới nước, trên cạn, trong rừng, trong gia đình).
MT46: Trẻ biết được môi trường sống của các loại cây, hoa, quả.	- Biết được cây sống được cần có (nước, đất, phân bón..)
MT47: Trẻ biết một số hiện tượng thiên nhiên .	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Không khí, ánh sáng. + Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.
MT48: Trẻ nhận biết một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Mặt trời, mặt trăng.
MT49: Trẻ biết được một số tính chất, đặc điểm của đất, đá, cát, sỏi.	- Phân biệt được từng nguyên liệu như đất đá, cát, sỏi. + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
MT50: Trẻ nhận biết được ích lợi của nước trong sinh hoạt	+ Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.

hàng ngày.	+ Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.
MT51: Trẻ tìm hiểu, quan sát và nhận xét đặc điểm của các sự vật, hiện tượng.	- Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng như: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay vật nổi, xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng. - Phân loại đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.
MT52: Trẻ nhận được một số đồ dùng trong sinh hoạt hàng ngày.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
MT53: Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thể hiện được các vai của trò chơi đóng vai theo chủ đề, các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Các hoạt động của con vật.
Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
MT54: Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm theo khả năng.
MT55: Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5
MT56: Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- 1 và nhiều.
MT57: Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.
MT58: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.

MT59: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - Xếp xen kẽ.
MT60: Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn: dài hơn/ ngắn hơn: cao hơn/ thấp hơn: bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước, màu sắc, hình dạng.
MT61: Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Biết gọi tên các hình, hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình học để lắp ghép.
MT62: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Biết phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.
Khám phá xã hội	
MT63: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. <i>- Trẻ biết một số quyền bất khả xâm phạm cơ thể trẻ và người khác.</i>	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - <i>Biết được đâu là vùng riêng tư mà không ai được phép xâm phạm.</i> - <i>Biết quyền của mỗi người trong việc quyết định ai được phép chạm vào cơ thể của mình và ai không được phép.</i>
MT64: Trẻ nói được tên, của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố, mẹ, những người thân trong gia đình.
MT65: Trẻ biết được tên địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Tên, công việc của một nghề quen thuộc.
MT66: Trẻ nói được tên lớp/tên trường, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của

	trẻ ở trường.
MT67: Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên, sản phẩm ích lợi của của một số nghề phổ biến.
MT68: Trẻ có thể kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết Trung thu ...qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Tên gọi, ý nghĩa một số ngày lễ hội trong năm.
MT69: Trẻ có thể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
Nghe hiểu lời nói	
MT70: Trẻ thực hiện yêu cầu đơn giản, Ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Nghe, hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
MT71: Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa quả...	- Nghe, hiểu được các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, thể hiện gần gũi, quen thuộc.
MT72 Trẻ biết lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại.	-Lắng nghe người khác nói, nghe và hiểu rõ thông tin (yêu cầu, chỉ báo)
MT73: Trẻ biết nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng việt. - Nói rõ ràng. Trẻ biết sử dụng một số từ đơn giản bằng Tiếng Anh trong giao tiếp :Dùng một số từ chào hỏi đơn giản hàng ngày như Hello, Goodbye, Thank you, Sorry.... để giao tiếp với cô giáo và các bạn một cách hợp lý theo khả năng của trẻ.

MT74: Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Nghe sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động.
MT76: Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “ở đâu?”, “Khi nào?”
MT77: Trẻ biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Kể lại sự việc
MT78: Trẻ đọc thuộc bài thơ đồng dao, ca dao.	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
MT79: Trẻ biết lắng nghe truyện, kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự hướng dẫn của người lớn.	- Lắng nghe truyện. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự hướng dẫn của giáo viên.
MT80: Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Nghe sử dụng các từ biểu cảm. - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.
MT81: Trẻ sử dụng được các từ: vâng ạ”..” Dạ”: “ Thưa”.. <i>bằng tiếng Việt và tiếng Anh đơn giản trong giao tiếp.</i>	- Nghe sử dụng các từ biểu thị, lễ phép(thưa, gửi khi xin phép, biết xưng hô ...) - <i>Biết sử dụng 1 số từ tiếng Anh đơn giản như Hello, GoodBye, Thank you...</i>
MT82: Trẻ biết nói đủ nghe không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Mạnh dạn, điều chỉnh giọng phù hợp: Không la hét, nói quá to hay lí nhí. Giơ tay trong giờ học khi muốn nói, chờ tới lượt nói.

Làm quen với việc đọc và viết	
MT83: Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giới thiệu sách xem tranh.	- Tiếp xúc với sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
MT84: Trẻ biết cầm sách để xem.	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và đọc truyện. - Giữ gìn, bảo vệ sách. - Được tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Làm quen với cách đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.
MT85: Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.
MT86: Trẻ thích vẽ, “viết” nghịch ngoạc.	- Làm quen với cách viết tiếng việt. - Hướng viết của các nét chữ.
MT87: Trẻ nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống bằng tiếng Việt .	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ, ...) bằng tiếng Việt
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
MT88: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính. - Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân.
MT89: Trẻ nói được điều bé thích hay không thích.	- Những điều bé thích, không thích.
Thể hiện sự tự tin, tự lực	
MT90: Trẻ thể hiện mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi.	- Tham gia các hoạt động múa hát, tập thể dục, chơi đồ chơi... cùng bạn. - Trả lời câu hỏi của cô giáo.

MT91: Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	- Chấp nhận sự phân công của người lớn. - Thực hiện công việc đơn giản được cô giáo giao.
MT92: Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
MT93: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái, cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động.
MT94: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.
MT95: Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.
MT96: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)
MT97: Trẻ biết yêu mến bố mẹ, anh, chị, em ruột.	- Yêu mến bố mẹ, anh, chị, em ruột.
MT98: Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Có cử chỉ, lời nói lễ phép(chào hỏi, cảm ơn) - Biết những hành vi đúng, sai, tốt, xấu.
MT99: Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác.
MT100: Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn. - Chờ đến lượt.
MT101: Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc cây cối, con vật.
MT102: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường không vứt rác bừa bãi.
MT103: Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra ngoài.	- Tiết kiệm điện nước trong sinh hoạt.
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
MT104: Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát,

khí nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT105: Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc: thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ: thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau - Có thái độ vui tươi, thích thú hoặc buồn...thể hiện tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm của bài hát, bản nhạc, thơ, ca dao, tục ngữ, hò vè.
MT106: Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thể hiện thái độ tình cảm và biết nhận xét khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các tác phẩm tạo hình.
MT107: Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát, hát tự nhiên.
MT108: Trẻ thực hiện vận động theo nhịp bài hát, bản nhạc(vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu của bài hát, bản nhạc. - Vận động theo giai điệu của các bản nhạc một số vùng miền khác nhau(dân ca nam bộ, một số dân tộc..). - Vận động theo giai điệu của nhạc nước ngoài. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
MT109: Trẻ biết sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.
MT110: Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản, biết tô màu theo sự hướng dẫn.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản, biết tô màu theo sự hướng dẫn.
MT111: Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT112: Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành sản phẩm có một khối hoặc hai khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản.

MT113: Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT114: Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.
MT115: Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
MT116: Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích.
MT117: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Biết giữ gìn sản phẩm. - Đặt tên cho sản phẩm của mình.
<i>MT118: Trẻ biết tên gọi, đặc điểm nổi bật, của một số sản phẩm nông sản đặc trưng quê hương</i>	<i>- Tên gọi, đặc điểm nổi bật, ích lợi của một số nông sản đặc trưng quê hương Bình Khê (Cây vải thiều, Cây quýt, Cây Mai vàng, các loại hoa...)</i>

Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện

TT	TÊN CHỦ ĐỀ	CÁC SỰ KIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Trường Mầm non	- Tết trung thu	3 tuần: Từ 09/09/2024 đến 27/09/2024	
2	Bản thân	- Ngày 20/10	3 tuần: Từ 30/09/2024 đến 18/10/2024	
3	Gia đình		4 tuần: Từ 21/10/2024 đến 15/11/2024	
4	Nghề nghiệp	- Ngày hội của cô giáo (20/11)	4 tuần: Từ 18/11/2024 đến 13/12/2024	
5	Lữ đoàn tăng thiết giáp 405	- Ngày 22/12	2 tuần: Từ 16/12/2024 đến 27/12/2024	
6	Thế giới thực vật	-Tết Nguyên đán	4 tuần: Từ 30/12/2024 đến 24/01/2025	
7	Thế giới động vật	-Ngày 08/3	4 tuần: Từ 10/02/2025 đến 07/03/2025	
8	Giao thông		4 tuần: Từ 10/03/2025 đến 04/04/2025	
9	Nước và Các hiện tượng tự nhiên		3 tuần: Từ 07/04/2025 đến 25/04/2025	
10	Quê hương, Đất nước, Bác Hồ		4 tuần: Từ 28/04/2025 đến 23/05/2025	

ĐỘ TUỔI 4 - 5 TUỔI

1. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
MT1: - Trẻ được ăn theo chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: - Trẻ được ăn một bữa chính và một bữa phụ - Trẻ được ăn theo thực đơn, phù hợp với lứa tuổi, nguồn thực phẩm của địa phương và được thay đổi không trùng lặp.	- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal. Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.</i> <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.
MT2: Trẻ được ngủ đúng, đủ giấc, an toàn	Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).
MT3: Trẻ được vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường	- Chuẩn bị đồ dùng vệ sinh cá nhân: xà phòng, khăn khô để lau tay, khăn mặt có ký hiệu của trẻ, - Hướng dẫn trẻ cách lau mặt sạch sẽ trước và sau khi ăn. - Hướng dẫn trẻ cách chải răng và kết hợp với gia đình để dạy trẻ, tuyên truyền cho phụ huynh không nên cho trẻ ăn quà vặt phòng bệnh răng miệng.

	- Hướng dẫn trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, xả nước, rửa tay sau khi đi vệ sinh. - Hướng dẫn trẻ giữ gìn quần áo, giày dép sạch sẽ. - Hướng dẫn trẻ vứt rác đúng nơi quy định, không vẽ bẩn lên tường, bàn ghế.
MT4: - Trẻ biết phòng tránh các bệnh thường gặp. - Trẻ được theo dõi tiêm chủng. - Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp: Cúm mùa, đau mắt đỏ, tay chân miệng,... - Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp: Ngã, đi lạc, hóc, sặc...
MT5: Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Trẻ trai: + Cân nặng: 16,3 - 18,3 kg + Chiều cao: 103,3 - 110,0 cm - Trẻ gái: + Cân nặng: 16,1 - 18,2,9 kg + Chiều cao: 102,7 - 109,4 cm	- Chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng với nhu cầu phát triển trẻ theo độ tuổi. - Kiểm tra sức khỏe cho trẻ 2 lần/năm. - Cân đo: - Đối với trẻ bình thường, cân đo: 3 tháng/ lần. - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi 1 lần/ tháng. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển.

2. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
Phát triển vận động	
- Thực hiện được động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
MT6: Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh.	- Các động tác phát triển hô hấp + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật... - Các động tác phát triển cơ tay và bả vai

	+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang ngang. + Đưa hai tay ra phía trước - sau và vỗ vào nhau. + Đưa ra trước, gập khuỷu tay. + Đưa hai tay ra trước, về phía sau. + Đánh xoay tròn hai vai. - Các động tác phát triển cơ lưng, bụng + Nghiêng người sang bên. + Quay người sang bên. + Đứng cúi người về trước. + Ngồi, cúi về phía trước, ngửa ra sau. + Ngồi, quay người sang hai bên. - Các động tác phát triển cơ chân + Đứng, một chân đưa lên trước, khụy gối. + Đứng, một chân nâng cao - gập gối. + Đứng, nhún chân, khụy gối. + Ngồi nâng hai chân duỗi thẳng. + Bật lên trước, ra sau, sang bên.
- Thực hiện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động	
MT7: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động Đi.	- Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi. - Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.
MT8: Trẻ kiểm soát được vận động đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.
MT9: Trẻ kiểm soát được vận động chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn(4-5 vật chuẩn đặt zích zắc)	- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)
MT10: Trẻ có thể chạy nhanh chậm thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm 60-80m.
MT11: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng trong vận động bò.	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m.

	- Bò đích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2 x 0,6m.
MT12: Trẻ biết khéo léo trườn theo hướng thẳng .	- Trườn theo hướng thẳng.
MT13: Trẻ biết thực hiện các vận động trèo lên xuống ghế, thang.	- Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm. - Trèo lên xuống 5 giống thang.
MT14: Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động ném.	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích thẳng đứng : (xa 1,5m x cao 1,2 m) - Ném trúng đích ngang (xa 2m)
MT15: Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động tung, chuyền bắt bóng.	- Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.
MT16: Trẻ có thể thực hiện được vận động tự đập và bắt bóng .	- Đập và bắt bóng tại chỗ. - Tự đập và bắt bóng 4-5 lần liên tiếp.
MT17: Trẻ biết phối hợp cơ chân, toàn thân để thực hiện các vận động bật.	- Bật liên tục về phía trước . - Bật xa 35 - 40 cm. - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10-15cm.
MT18: Trẻ có thể bật nhảy từ trên cao xuống.	- Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30-35 cm)
MT19: Trẻ biết phối hợp chân trong vận động nhảy lò cò.	- Nhảy lò cò 3 m.
MT20: Trẻ có thể thực hiện phối hợp 2 vận động cơ bản.	- Thực hiện 2 vận động cơ bản (không cùng dạng) theo khả năng. - Bài tập tổng hợp.
- Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt	

MT21: Trẻ thực hiện được các vận động Cuôn- xoay tròn cổ tay. Gập mở các ngón tay.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gập giấy.
MT22: Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động.	- Lắp ghép hình. - Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối. - Xé, cắt đường thẳng - Tô, vẽ hình. - Biết tết sợi đôi - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
MT23: Trẻ nhận được một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	- Biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng.) - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
MT24: Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm.	- Biết một số thực phẩm cùng nhóm. - Thịt cá ... nhiều chất đạm. - Rau quả chín có nhiều Vitamin.
MT25: Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	- Một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản. - Rau luộc, nấu canh; Thịt luộc, rán, kho; Gạo nấu cơm, nấu cháo.
GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE	
MT26: Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	+ Biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm trên tháp dinh dưỡng: Thịt, cá, trứng, sữa, rau ... + Biết thịt, cá, đậu, trứng tôm có nhiều chất đạm. + Biết rau quả chín có nhiều vitamin và muối khoáng

	+ Biết ích lợi của các thực phẩm, các món ăn đối với sức khỏe + Biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.
MT27: Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường, nói được tên một số món ăn hàng ngày và cách chế biến đơn giản.	+ Trẻ biết một số món ăn hàng ngày ở trường, ở gia đình. + Biết một số cách chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn (rau luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo). - Biết một số thực phẩm, món ăn đặc sản của địa phương: canh cáy, chả rươi..
MT28: Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	+ Biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đầy đủ chất và lượng + Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh, và chấp nhận ăn các loại thức ăn khác nhau.
MT29: Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	- Thực hành các bài tập kỹ năng về cuộc sống: Tự rửa tay đúng cách bằng xà phòng. + Rửa sạch: rửa tay theo 6 bước sạch với nước không còn xà phòng. + Trẻ biết tự rửa mặt, đánh răng đúng cách hàng ngày. + Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn.
MT30: Trẻ biết tự phục vụ trong giờ ăn uống.	- Các giờ ăn trong ngày + Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc cơm ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn, ho hắt hơi che miệng.. - Biết làm một số công việc tự phục vụ : kê bàn, ghế...
MT31: Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.	+ Biết chải tóc, vuốt tóc khi bù rối. + Vuốt lại quần áo khi xô lệch.
MT32: Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	+ Biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Không uống nước lã.

MT33: Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	+ Mặc ấm khi trời lạnh; mặc quần áo thoáng mát khi trời nóng nực. + Biết ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết. + Biết một số biểu hiện khi ốm và cách + Biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, sốt + Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định (Đi vệ sinh trong nhà vệ sinh) + Bỏ rác đúng nơi quy định.
MT34: Trẻ biết che miệng khi ho, hắt hơi	+ Lấy tay che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.
MT35: Trẻ biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người hút thuốc hút.	+ Khi hỏi về tác hại của thuốc lá trẻ biết trả lời: Hút thuốc lá là có hại cho sức khỏe. + Tránh chỗ có người hút thuốc.
MT36: Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh. - Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng là nơi nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	- Áp dụng phương pháp giảng dạy Reggio Emilia: Thực hành kỹ năng hợp tác nhóm để nhận biết + Biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
MT37: Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	+ Không chơi ở những nơi nguy hiểm gần ao, hồ, suối, bể chứa nước. + Không chơi gần nơi có những bụi cây rậm, có gai...
MT38: Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	+ Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt. + Không ăn thức ăn có mùi ôi, không ăn lá, quả lạ, không uống rượu, bia, cà phê; không được tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô

	giáo.
MT39: Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ	- Áp dụng phương pháp Reggio Emilia: Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. + Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã, chảy máu. + Biết gọi người lớn giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
MT40: Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.	+ Khi gặp nguy hiểm: Bị đánh, ngã, bị thương, bị chảy máu, cháy... thì phải kêu cứu, gọi người lớn. + Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc; Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
Khám phá khoa học	
MT41: Trẻ biết đặc điểm, tính chất của nước, tác dụng của nước với đời sống con người, con vật và cây.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm tính chất của nước ; Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán (pha màu/đường/muối vào nước dự đoán, quan sát, nhận xét, so sánh). - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
MT42: Trẻ biết đặc điểm của không khí ,ánh sáng và tác dụng của nó.	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
MT43: Trẻ biết đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
MT44: Trẻ nhận biết được đặc điểm của động vật.	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, ích lợi và tác hại đối với con người.

	- Quan sát, so sánh, phân loại một số vật nuôi trong gia đình; Một số con vật sống trong rừng; Một số con vật sống dưới nước; Một số loại côn trùng. - Phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật. - Phân loại con vật theo 1-2 dấu hiệu. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật.
MT45: Trẻ nhận biết một số đặc điểm của thực vật.	- Đặc điểm bên ngoài của cây hoa quả, ích lợi và tác dụng đối với con người. - Quan sát vườn cây; vườn hoa; vườn rau, công viên; - Quan sát, so sánh, phân loại một số loại cây; hoa; rau; quả... - Quan sát, theo dõi sự lớn lên của cây; Cùng cô trồng vườn, gieo hạt, tưới cây, nhổ cỏ... - Phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các loại cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả theo 1-2 dấu hiệu. - Cách chăm sóc và bảo vệ cây.
MT46: Trẻ biết được chức năng của các giác quan và các bộ phận của cơ thể.	- Chức năng của các giác quan, các bộ phận khác của cơ thể. - <i>Biết khu vực vùng riêng tư mà không ai được phép xâm phạm; Ai được phép chạm vào cơ thể của mình và ai không được phép.</i>
MT47: Trẻ nhận được một số đồ dùng trong sinh hoạt.	- Đặc điểm công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hàng ngày. - Nhận ra đặc điểm chung về công dụng, chất liệu của 1 hoặc 2 đồ dùng. - Xếp những đồ dùng đó vào một nhóm và gọi tên theo công dụng hoặc chất liệu.

MT48: Trẻ biết Phân loại đồ dùng, đồ chơi .	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu như công dụng, chất liệu,... - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu.
MT49: Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- Một số đặc điểm tính chất của nước, chất liệu của đồ dùng, đồ chơi, sự phát triển của cây cối,... - Quan sát, thảo luận, dự đoán về ảnh hưởng thời tiết đến sinh hoạt con người. - Làm thực nghiệm nước trong suốt, nước bay hơi, một vài chất tan trong nước... - Làm thí nghiệm khoa học với một vài chất liệu nổi bật của các đồ dùng, đồ chơi trong gia đình: gỗ, nhựa, kim loại, i-lốc, sắt, nhôm, vải, ni-lông, xem vật nào nổi, vật nào chìm,...
MT50: Nhận ra mối liên hệ đơn giản giữa sự vật, hiện tượng quen thuộc.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
MT51: Trẻ biết khám phá một số hiện tượng thời tiết theo mùa thông qua các hoạt động trải nghiệm và qua phần mềm Kidsmart	+ Khám phá ao thiên nhiên bốn mùa trong ngôi nhà khoa học của Sammy; Biết lựa chọn trang phục theo mùa cho phù hợp trong trò chơi.
MT52: Trẻ nhận biết được một số phương tiện giao thông.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.
MT53: Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh. Quan sát, thảo luận, dự đoán một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra.	- Nêu được một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra và giải thích được dự đoán của mình. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa.
MT54: Trẻ biết thời tiết, mùa.	- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.

	- Thứ tự các mùa trong năm. - Quan sát, nhận xét các hiện tượng thời tiết: mưa, nắng, gió, bão...theo mùa. - Ảnh hưởng của thời tiết, mùa đến sinh hoạt của con người.
MT55: Trẻ biết ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng, khám phá trải nghiệm thông qua ứng dụng phần mềm của trẻ mầm non .	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Quan sát bầu trời, mặt trời, mặt trăng và thảo luận. - Khám phá ngôi nhà không gian và thời gian của Trudy trong phần mềm Kidsmart
Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
MT56: Trẻ nhận biết chữ số, số lượng.	- Đếm các nhóm có 5 đối tượng. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.
MT57: Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. - Đếm theo khả năng.
MT58: Trẻ biết so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm các nhóm đối tượng. - So sánh số lượng của 2 nhóm trong phạm vi 10.
MT59: Trẻ có thể tập hợp các nhóm đối tượng.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
MT60: Nhận biết được ý nghĩa các con số tự nhiên.	- Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...)
MT61: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
MT62: Trẻ biết xếp tương ứng.	- Xếp tương ứng 1-1; ghép đôi.
MT63: Trẻ sử dụng được các dụng cụ để đo lường bằng một đơn vị đo.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
MT64: Nhận biết sự giống và khác nhau của các hình, hình	- So sánh sự giống nhau và khác nhau của các hình: hình

học.	vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
MT65: Trẻ biết định hướng trong không gian.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ. Và so với bạn khác.(Phía trước- phía sau ; Phía trên- Phía dưới ; Phía phải, phía trái).
MT66: Trẻ có thể định hướng về thời gian.	- Các buổi: sáng trưa, chiều, tối.
Khám phá xã hội	
MT67: Trẻ nhận biết về bản thân.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - <i>Biết khu vực vùng riêng tư mà không ai được phép xâm phạm; Ai được phép chạm vào cơ thể của mình và ai không được phép.</i>
MT68: Trẻ nhận biết về gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.
MT69: Trẻ nhận biết về trường mầm non, cộng đồng.	- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.
MT70: Trẻ nhận biết được một số nghề trong xã hội.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
MT71: Trẻ biết danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
MT72: Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	- Nghe, hiểu lời nói và làm theo 2 – 3 yêu cầu trong giao tiếp hằng ngày.

MT73: Trẻ hiểu được nghĩa một số từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ.	- Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng/thực vật/động vật.... - Nghe, hiểu nghĩa của từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...
MT74: Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Chú ý lắng nghe, không ngắt lời, chờ đến lượt mình nói.
MT75: Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Trả lời và đặt câu hỏi “Ai?” “Cái gì?” “Ở đâu?” “Khi nào?” - Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT76: Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.	- Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động,
MT77: Trẻ sử dụng được các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định,	- Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hằng ngày, - Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau. - Trả lời và đặt câu hỏi.
MT78 : Trẻ phát âm một số từ đơn giản chỉ người, đồ vật, con vật, phương tiện giao thông; một số từ chào hỏi, các con số bằng Tiếng Anh.	+ Dùng một số từ chào hỏi đơn giản hàng ngày như Hello (Xin chào), Goodbye (Tạm biệt), Thank you (cảm ơn), Sorry (Xin lỗi)... + Số lượng: one (Số 1), two (số 2), Three (số 3)... + Thực vật: Apple (Quả táo); Banana (Quả chuối); Orange (Quả cam) + Động vật: Cat (Con mèo); dog (Con chó); bear (Con hổ). + Phương tiện giao thông: Car (Ô tô); Bus (Xe buýt); Taxi (Xe tắc xi)
MT79: Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.	Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.
MT80: Trẻ đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao.	Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù

	hợp với độ tuổi.
MT81: Trẻ biết kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại truyện đã được nghe .
MT82: Trẻ bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Nghe, sử dụng các từ biểu cảm. - Đóng kịch.
MT 83: Sử dụng được các từ như: “mời cô” “mời bạn” “xin phép” “thưa” “dạ” “vâng”... phù hợp với tình huống.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Lễ phép(thưa gửi khi xin phép , biết xưng hô ...) biết cảm ơn, xin lỗi; giờ tay trong giờ học khi muốn nói chờ tới lượt nói.
MT84: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Mạnh dạn, điều chỉnh giọng phù hợp: Không la hét, nói quá to hay lí nhí.
MT85: Trẻ biết chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
MT86: Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh và biết “đọc vẹt” theo tranh minh họa.	- Làm quen với cách đọc . + Hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Đọc ngắt nghỉ sau các dấu chấm. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.
MT87: Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
MT88: Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà VS, cấm lửa, nơi nguy hiểm.	- Các biểu tượng ký hiệu riêng của trường như; Lối lên xuống cầu thang (mũi tên), hãy im lặng (ngón tay trên miệng) hãy lắng nghe. - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà VS, cấm lửa, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ....)
MT89: Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	- Làm quen với cách viết tiếng Việt (hướng viết của các nét chữ: Hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới).

	- Làm quen với công cụ viết và đưa tay tạo thành nét của chữ cái.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
MT90: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ.
MT91: Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân.
MT92: Trẻ biết tự chọn đồ chơi và chơi theo ý thích.	- Chọn các trò chơi, đồ chơi mà trẻ thích để chơi.
MT93: Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trục nhật, dọn đồ chơi)	- Biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn - Hoàn thành công việc được cô giáo giao.
MT94: Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh ảnh.	- Biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
MT95: Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.
MT96: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Bác Hồ là vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc. - Lăng Bác ở Thủ đô Hà Nội.
MT97: Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ, thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng Bác Hồ qua các bài hát, câu chuyện, bài thơ... về Bác.
MT98: Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
MT99: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình.	- Một số quy định ở lớp, gia đình, nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ ; trật tự khi ăn, khi ngủ ; đi bên phải lề đường..)
MT100: Trẻ biết nói lời cảm ơn,xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Sử dụng lời nói cử chỉ lễ phép.

MT101: Trẻ biết yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình.	- Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình.
MT102: Trẻ tập trung chú ý khi nghe cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác.
MT103: Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt hợp tác.
MT104: Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	- Quan tâm giúp đỡ bạn.
MT105: Trẻ biết phân biệt hành vi ‘Đúng - sai’; ‘Tốt- xấu’.	- Phân biệt hành vi ‘Đúng - sai’ ; ‘Tốt- xấu’
MT106: Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.	- Chăm sóc con vật và cây cối.
MT107: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.
MT108: Trẻ không bẻ cành , bứt hoa.	- Bảo vệ chăm sóc cây cối.
MT109: Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện nước trong sinh hoạt.
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
MT110: Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp trước vẻ trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng xung quanh qua các tác phẩm nghệ thuật.
MT111: Trẻ chú ý nghe, thích thú (Hát vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc ; Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ ; Thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca, dân tộc nhạc nước ngoài) - Có thái độ vui tươi, hồ hởi, thích thú hoặc buồn bã....., thể hiện tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc.
MT112: Trẻ thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình(về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thể hiện thái độ, tình cảm và biết nhận xét khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

MT113: Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
MT114: Trẻ biết thực hiện vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức khác nhau.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu
MT115: Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.
MT116: Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc và bố cục, đường nét.
MT117: Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng xé, cắt, dán để tạo ra sản phẩm.
MT118: Trẻ biết cách làm lồm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Sử dụng các kỹ năng nhào đất, nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dạng.
MT119: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng.
MT120: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc hình dáng/ đường nét.
MT121: Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc - Vận động nhịp nhàng theo giai đoạn điệu, nhịp điệu bài hát của các bài hát, bản nhạc.
MT122: Biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo theo nhịp điệu bài hát.

MT123: Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
MT124: Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.
<i>MT125: Trẻ biết tên gọi, đặc điểm nổi bật, ích lợi của một số sản phẩm nông sản đặc trưng quê hương Bình Khê (Cây vải thiều, Cây thanh long, Cây quýt, Cây Mai vàng, các loại hoa...)</i>	<i>- Tên gọi, đặc điểm nổi bật, ích lợi của một số sản phẩm nông sản đặc trưng quê hương Bình Khê (Cây vải thiều, Cây thanh long, Cây quýt, Cây Mai vàng, các loại hoa...)</i>

Dự kiến chủ đề, thời gian thực hiện.

STT	TÊN CHỦ ĐỀ	CÁC SỰ KIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Trường Mầm non	- Tết trung thu	3 tuần: Từ 09/09/2024 đến 27/09/2024	
2	Bản thân	- Ngày (20/10)	3 tuần: Từ 30/09/2024 đến 18/10/2024	
3	Gia đình		3 tuần: Từ 21/10/2024 đến 08/11/2024	
4	Nghề nghiệp	- Ngày (20/11)	4 tuần: Từ 11/11/2024 đến 06/12/2024	
5	Lữ đoàn tăng thiết giáp 405	- Ngày (22/12)	2 tuần: Từ 09/12/2024 đến 20/12/2024	
6	Giao thông	-Tết Nguyên đán	3tuần: Từ 23/12/2024 đến 10/01/2025	
7	Mùa xuân	-Tết Nguyên đán -Ngày (08/3)	2 tuần: Từ 13/01/2025 đến 24/01/2025	
Nghỉ tết từ 27/01/2025 đến 08/02/2025				
8	Thế giới thực vật	-Ngày (08/3)	4 tuần: Từ 10/02/2025 đến 07/03/2025	
9	Thế giới động vật		4 tuần: Từ 10/03/2025 đến 04/04/2025	
10	Nước và Các hiện tượng tự nhiên		4 tuần: Từ 07/04/2025 đến 02/05/2025	
11	Quê hương, Đất nước, Bác Hồ	Ngày sinh nhật Bác Hồ	3 tuần: Từ 05/05/2024 đến 23/05/2024	

ĐỘ TUỔI 5 - 6 TUỔI

1. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG

MT1: - Trẻ được ăn theo chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: - Trẻ được ăn một bữa chính và một bữa phụ - Trẻ được ăn theo thực đơn, phù hợp với lứa tuổi, nguồn thực phẩm của địa phương và được thay đổi không trùng lặp.	- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal. Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.</i> <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.
MT2: Trẻ được ngủ đúng, đủ giấc, an toàn	Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).
MT3: Trẻ được vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường	- Chuẩn bị đồ dùng vệ sinh cá nhân: xà phòng, khăn khô để lau tay, khăn mặt có ký hiệu của trẻ, - Hướng dẫn trẻ cách lau mặt sạch sẽ trước và sau khi ăn. - Hướng dẫn trẻ cách chải răng và kết hợp với gia đình để dạy trẻ, tuyên truyền cho phụ huynh không nên cho trẻ ăn quà vặt phòng bệnh răng miệng. - Hướng dẫn trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, xả nước, rửa tay sau khi đi vệ sinh. - Hướng dẫn trẻ giữ gìn quần áo, giày dép sạch sẽ.

	- Hướng dẫn trẻ vứt rác đúng nơi quy định, không vẽ bẩn lên tường, bàn ghế.
MT4: - Trẻ biết phòng tránh các bệnh thường gặp. - Trẻ được theo dõi tiêm chủng. - Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp: Cúm mùa, đau mắt đỏ, tay chân miệng,... - Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp: Ngã, đi lạc, hóc, sặc...
MT5: Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Trẻ trai: + Cân nặng: 18,3 - 20,5 kg + Chiều cao : 110,0 - 116,0 - Trẻ gái: + Cân nặng : 18,2 - 20,2 kg + Chiều cao: 109,4 - 115,1 cm	- Theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. - Cân trẻ 3 tháng 1 lần. - Đo trẻ 3 tháng 1 lần - Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần trên năm học.

2. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
Phát triển vận động	
MT6: Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Các động tác phát triển hô hấp: + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật. - Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai: + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. + Đưa tay ra phía trước, sau. + Đưa tay ra trước, sang ngang.

	+ Đánh xoay tròn 2 cánh tay. + Đánh chéo 2 tay ra 2 phía trước, sau. + Luân phiên từng tay đưa lên cao. - <i>Các động tác phát triển cơ bụng, lưng:</i> + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Đứng, cúi về trước. + Đứng quay người sang 2 bên. + Nghiêng người sang 2 bên. + Cúi về trước ngửa ra sau. + Quay người sang 2 bên. - <i>Các động tác phát triển cơ chân:</i> + Khụy gối. + Bật đưa chân sang ngang. + Đưa chân ra các phía. + Nâng cao chân gập gối. + Bật về các phía.
MT7: Trẻ biết thực hiện phối hợp các kỹ năng trong vận động Bật.	- Bật nhảy bằng cả 2 chân. - Bật liên tục vào vòng. - Bật tách khếp chân qua 7 ô. - Bật qua vật cản cao 15-20cm.
MT8: Trẻ biết: Bật xa tối thiểu 50cm.(CS1)	- Bật xa 40- 50cm.
MT9: Trẻ có thể nhảy xuống từ độ cao 40cm.(CS2)	- Bật - nhảy từ trên cao xuống (40- 45cm) - Bật sâu 40 cm.
MT10: Trẻ biết ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m.(CS3)	- Ném và bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 4m)

MT11: Trẻ thực hiện được động tác: Trèo, lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất.(CS4)	- Trèo lên xuống 7 gióng thang. - Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất.
MT12: Trẻ biết khéo léo phối hợp tay, chân, toàn thân trong vận động trườn.	- Trườn sấp; trườn theo khả năng. - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5mx30cm.
MT13: Trẻ có thể: Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.(CS9)	- Nhảy lò cò 5m. - Nhảy lò cò 5 - 7 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.
MT14: Trẻ biết: Đập và bắt bóng bằng 2 tay.(CS10)	- Đập và bắt bóng bằng 2 tay. - Đi và đập bắt bóng bằng 2 tay.
MT15: Đi thẳng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) - Khi bước lên ghế không mất thăng bằng. - Khi đi mắt nhìn thẳng. - Giữ được thẳng bằng hết chiều dài của ghế. (CS 11)	- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuy gối. - Đi trên dây (dây đặt trên sàn). - Đi nổi bàn chân tiến, lùi. - Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m).
MT16: Trẻ có thể Chạy 18m trong khoảng thời gian 5 - 7s.(CS12)	- Chạy 18m trong khoảng thời gian 10 giây. - Chạy chậm khoảng 100-120 m
MT17: Trẻ có thể: Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian.(CS13)	- Chạy chậm 150 m. - Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian.
MT18: Trẻ có thể: Tham gia các hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 (CS14)	- Tham gia các hoạt động học tập nhiệt tình, hưởng ứng tích cực, vận động thoải mái, tập chung chú ý vào sự hướng dẫn của giáo viên không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 30 phút.
MT19: Trẻ biết bò qua 5,7 điểm dích dắc cách nhau 1,5 m đúng yêu cầu.	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5 m. - Bò dích dắc qua 7 điểm. - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6 m.
MT20: Trẻ biết giữ thẳng bằng khi đi lên, xuống ván kê dốc(2m x 0,3m)	- Đi trên ván dốc. - Đi lên, xuống ván kê dốc(2m x 0,3m).
MT21: Trẻ có thể Đi/ chạy thay đổi hướng vận động	- Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh; Đi thay đổi tốc độ theo hiệu

theo đúng hiệu lệnh(Đổi hướng ít nhất 3 lần)	lệnh. - Chạy thay đổi hướng tốc độ, hướng, đích đích theo hiệu lệnh.
MT22: Trẻ biết phối hợp tay – mắt trong vận động Ném.	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay
MT23: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động tung, chuyền	- Tung bóng lên cao và bắt. - Tung, đập bóng tại chỗ. - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.
MT24: Trẻ có thể phối hợp thực hiện 2 vận động cơ bản	-Thực hiện hai vận động cơ bản (không cùng dạng) - Bài tập tổng hợp.
MT25: Trẻ biết tô màu kín, không chồm ra ngoài đường viền các hình vẽ (CS6)	- Tô màu không chồm ra ngoài đường viền các hình vẽ. - Tô đồ theo nét.
MT26: Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản.(CS7)	- Cắt rời được hình không bị rách. - Đường cắt luôn sát theo nét vẽ.
MT27: Dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn.(CS8)	- Dán các hình học, con vật, thực vật,... vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn.
GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE	
MT28- Trẻ biết thực phẩm giàu chất đạm, vitamin và muối khoáng...	- Biết một số loại thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm
MT 29: Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn (CS15)	
MT 30: Tự rửa mặt và chải răng hằng ngày(CS16)	
MT 31: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng (CS 18)	

MT 32- Trẻ kể được tên 1 số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. (CS19)	- Biết các món ăn thông thường trẻ thường ăn. - <i>Biết các món ăn đặc sản của địa phương</i> - Biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng, đủ chất; - Kể tên các món ăn phù hợp với từng mùa. - Áp dụng phương pháp Montessori: Cho trẻ thực hành các số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.
MT33- Biết và không ăn, uống một số thức ăn có hại cho sức khỏe (CS20) .	- Biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật. Biết và không ăn, uống một số thức ăn có hại cho cơ thể.
MT34- Biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. (CS 17)	- Biết một số hành động văn minh, lịch sự biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.
MT35- Trẻ không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm. (CS 23)	- Biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm như ao, hồ, sông, suối, ổ điện, khu vực bếp ga.... những nơi không an toàn, phân biệt được nơi bẩn, sạch và mất vệ sinh như khu rác thải... chơi ở nơi sạch và an toàn.
MT36- Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm. (CS 21)	- Biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm như sử dụng những vật sắc nhọn đánh nhau, cào, câu bạn.... , những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như dao, kéo; những mảnh cốc thủy tinh , mảnh gương bị vỡ....
MT37- Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm. (CS 22)	- Tìm hiểu một số việc có thể gây nguy hiểm đến trẻ. - Biết một số việc làm có thể gây nguy hiểm như đánh nhau, tắm sông, hồ, cắm ổ điện, sờ vào đường dây điện, chơi gần khu vực bếp

	ga, nghịch dao, kéo... và không làm những việc gây nguy hiểm đó.
MT38- Trẻ biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc..(CS 26)	- Biết được hút thuốc lá có hại cho sức khỏe và không lại gần những người đang hút thuốc lá. - Biết bày tỏ thái độ không đồng tình với người hút thuốc lá.
MT39- Trẻ không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.(CS 24)	- Thực hành kỹ năng học tác nhóm để nhận biết một số hành động của người lạ, không nhận quà khi chưa được người thân cho phép. Nếu bị lạc phải biết tìm những cô chú mặc quần áo đồng phục như bảo vệ, công an, cảnh sát...đề thông báo trên loa, hoặc gọi điện cho bố mẹ, không đi theo người lạ.
MT40- Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.(CS 25)	- Biết một số trường hợp khẩn cấp như cháy nổ, tai nạn...và gọi người đến giúp đỡ. Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.
MT41- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...	- Biết 1 số biểu hiện khi bị đau, ốm sốt và các hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC Khám phá khoa học	
MT42: Trẻ thể hiện một số hiểu biết về các giác quan và một số bộ phận cơ thể con người.	- Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
MT43: Trẻ biết phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu công dụng(CS96)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu. - <i>Sử dụng thành thạo một số kỹ năng đơn giản trên máy tính để khám phá, phân loại đồ dùng trong ngôi nhà khoa học của Sammy</i>

MT44: Trẻ nhận biết được một số phương tiện giao thông	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu.
MT45: Trẻ biết đặc điểm, tính chất của nước, tác dụng của nước với đời sống con người, con vật và cây.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
MT46: Trẻ biết đặc điểm của không khí ,ánh sáng và tác dụng của nó	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
MT47 : Trẻ biết đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
MT48: Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung.(CS92)	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa quả... - Quan sát vườn cây; vườn hoa; vườn rau, công viên; Quan sát, gọi tên, so sánh một số loại cây; hoa; rau; quả... - Quan sát, gọi tên, so sánh một số vật nuôi trong gia đình; Một số con vật sống trong rừng; Một số con vật sống dưới nước; Một số loại côn trùng... - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu. - <i>Sử dụng các kỹ năng khám phá phân loại đồ dùng trong ngôi nhà khoa học của Sammy</i>
MT49 Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây cối và con vật và một số hiện tượng tự nhiên.(CS 93)	- Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của của một số loại cây, con vật. - Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối và môi trường sống. - Quan sát, thảo luận, nhận xét các hiện tượng thời tiết: mưa, nắng, gió, bão...theo mùa. Quan sát bầu trời, mặt trời, mặt trăng và thảo luận. + <i>Khám phá máy tạo thời tiết trong ngôi nhà khoa học của Sammy</i>

MT50: Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ đang sống.(CS94)	- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa - Thứ tự các mùa trong năm. - Đặc điểm đặc trưng của các mùa.
MT51: Trẻ có thể dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.(CS95)	- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra và giải thích được dự đoán của mình. (Mưa, nắng, gió, bão, lũ lụt, hạn hán...) - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa - Sự khác nhau giữa ngày và đêm ; mặt trời, mặt trăng .
MT 52:Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - Kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.(CS114)	- Trẻ giải thích được câu hỏi bằng mẫu câu: "Tại vì.....nên..." nêu được nguyên nhân dẫn đến sự việc. - Thí nghiệm, thực nghiệm về sự vật hiện tượng xung quanh như; vật chìm nổi, sự luân chuyển của nước, không khí...
MT53: Trẻ hay đặt câu hỏi. (CS112)	- Tò mò tìm tòi, khám phá các SVHT xung quanh như đặt câu hỏi về SVHT ‘ Tại sao có mưa’.
MT54: Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc,tạo hình	- Các trò chơi đóng vai theo chủ đề, bắt chước mô phỏng động tác của các con vật. - Hát vận động các bài hát về cây, con vật. - Vẽ, xé, nặn các con vật.
Khám phá xã hội	
MT55: Trẻ nói đúng họ,tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi trò chuyện	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
MT56: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ; Sở thích của các thành viên trong gia đình ; quy mô gia đình (Gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu gia đình, địa chỉ gia đình.
MT57: Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà,	- Địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm) số điện

đường phố, thôn, xóm) số điện thoại(nếu có)... khi được hỏi trò chuyện	thoại.
MT58: Trẻ nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Đặc điểm, sở thích của các bạn. - Các hoạt động của trẻ ở trường.
MT 59: Trẻ thích khám phá các sự vật và hiện tượng xung quanh.(CS113)	- Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới, thể hiện ý thích khám phá của riêng mình như; thích búp bê, ô tô, ...)
MT60: Trẻ có thể thực hiện công việc theo cách riêng của mình. (CS118)	- Không bắt chước và có những khác biệt trong khi thực hiện nhiệm vụ. - <u>Tạo ra những sản phẩm không giống bạn.</u>
MT61: Trẻ có thể kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.(CS98)	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm của nghề, các hoạt động và ý nghĩa các nghề phổ biến, nghề truyền thống ở địa phương.
MT62: (Mục tiêu phát triển GD) Trẻ biết tên gọi, đặc điểm nổi bật , của một số sản phẩm nông sản đặc trưng quê hương Bình Khê(Cây vải thiều, Cây thanh long, Cây quýt, Cây Mai vàng, các loại hoa...)	-Tên gọi, đặc điểm nổi bật, ích lợi của một số sản phẩm nông sản đặc trưng quê hương Bình Khê (Cây vải thiều, Cây thanh long, Cây quýt, Cây Mai vàng, các loại hoa...)
MT63:Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về các hoạt động nổi bật của lễ hội .	- Đặc điểm nổi bật của ngày lễ, hội của quê hương, đất nước. - Một số lễ hội quê hương Bình Khê.
MT64: Trẻ có thể kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.(CS 97)	- Trả lời được câu hỏi của người lớn về một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. Ví dụ: Trường Trung học, trường tiểu học, lớp mầm non.
MT65: Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	

MT66: Trẻ có thể nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.(CS104)	- Đếm trong phạm vi 10, đếm theo khả năng, - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 nhận biết chữ số trong phạm vi 10; - Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, số điện thoại, biển số xe, ...)
MT67: Trẻ biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.(CS105)	- Tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
MT68: Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm	- Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
MT69: Trẻ biết loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.(CS115)	- Phát hiện được đối tượng không cùng nhóm với những đối tượng còn lại và loại được chúng ra khỏi nhóm.
MT70: Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc.(CS116)	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp.
MT71: Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo.(CS106)	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo .
MT72: Trẻ biết sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả	- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
MT73: Trẻ chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối trụ, khối chữ nhật theo yêu cầu.(CS107)	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau.
MT74: Trẻ có thể xác định vị trí (trong, ngoài, trên dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.(CS 108)	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau ; phía trên- phía dưới ; phía phải- phía trái.) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
MT75: Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự.(CS109)	- Gọi tên các thứ trong tuần.

MT76: Trẻ phân biệt được ngày hôm qua, ngày mai qua sự kiện hàng ngày. (CS110)	- Biết hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày trẻ được đến lớp, đi chơi, du lịch.... - Công việc của ngày hôm qua, hôm nay và dự định ngày mai.
MT77: Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.(CS111)	- Nhận biết các ngày trong tuần; Nhận biết giờ trên đồng hồ.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
MT78: Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2 - 3 hành động.(CS62)	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Hiểu và thực hiện được những lời nói và chỉ dẫn của giáo viên. - Biểu hiện sự cố gắng quan sát, nghe và thực hiện các quy định chung trong chế độ sinh hoạt của lớp (giơ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chăm chú lắng nghe...) - Chú ý hiểu thông điệp, không ngắt lời người nói.
MT79: Trẻ hiểu một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.(CS 63)	- Hiểu và nói được các từ khái quát, từ trái nghĩa chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi sau khi được xem tranh, vật thật, mô hình... - Giải nghĩa được một số từ với sự giúp đỡ của người khác.
MT80: Trẻ phát âm một số từ đơn giản chỉ người, đồ vật, con vật, phương tiện giao thông ; một số từ chào hỏi, các con số bằng Tiếng Anh.	+ Dùng một số từ chào hỏi đơn giản hàng ngày như Hello (Xin chào), Goodbye (Tạm biệt), Thank you (cảm ơn), Sorry (Xin lỗi).... + Số lượng: one (Số 1), two (số 2), Three (số 3)... + Thực vật: Apple (Quả táo); Banana (Quả chuối); Orange (Quả cam) + Động vật: Cat (Con mèo); dog (Con chó); bear (Con hổ). + Phương tiện giao thông: Car (Ô tô); Bus (Xe buýt); Taxi (Xe tắc xi) + Màu sắc: xanh, đỏ tím, vàng, hồng, trắng, đen..
MT81: Trẻ có khả năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi.(CS61)	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi của người khác và biết sử dụng sắc thái đó vào lời nói của bản thân.

	- Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái ngữ điệu, lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện.
MT82: Trẻ nghe hiểu nội dung truyện, thơ, đồng dao ca dao phù hợp với độ tuổi.(CS64)	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đối, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
MT83: Trẻ biết nói rõ ràng.(CS65)	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Kể rõ ràng, có trình tự về sự vật hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.
MT84: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.(CS66)	- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.
MT85: Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp.(CS67)	- Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.... - Sử dụng những từ thông dụng và các loại câu đơn, câu mở rộng để diễn đạt ý.
MT86: Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.(CS68)	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Sử dụng ngôn ngữ tự diễn đạt cảm xúc của bản thân.
MT87: Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.(CS69)	- Sử dụng lời nói để trao đổi những nhu cầu cần thiết trong cuộc sống và chỉ dẫn bạn bè trong các hoạt động.
MT88: Trẻ biết chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp (CS74)	- Chăm chú nghe người khác nói, nhìn vào mắt khi giao tiếp. - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ điệu bộ, nét mặt. - Lắng nghe người kể một cách chăm chú, phản ứng lại bằng những hành động thân thiện. Giơ tay khi muốn nói.
MT89: Trẻ biết sử dụng các từ: chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống.(CS77)	- Sử dụng một số từ trong câu xã giao đơn giản để giao tiếp với bạn bè và người lớn. (Tạm biệt, xin chào...) lễ phép khi nói, mạnh dạn, không nó quá to hay lí nhí.

	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
MT90: Trẻ có thể kể lại một hiện tượng, một sự kiện nào đó để người khác nghe hiểu được.(CS70)	- Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, hiện tượng nào đó theo trình tự logic nhất định. - Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh...
MT91: Trẻ có thể kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định.(CS71)	- Kể lại truyện đã nghe theo trình tự.
MT92: Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện(CS72)	- Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người. - Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác. - Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau. - Sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập mối quan hệ và hợp tác với bạn bè.
MT93: Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp,(CS 73)	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT94: Trẻ biết hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói (CS 76)	- Có hành vi văn minh, lịch sự trong giao tiếp, hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói.
MT95: Trẻ biết kể chuyện theo tranh..(CS85)	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.
MT96: Trẻ có thể kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác nhau.(CS120)	- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.
MT97: Trẻ đóng được vai các nhân vật trong truyện	- Đóng kịch.
MT98: Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, bài ca dao	- Đọc thơ, ca dao.
MT99: Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.(CS79)	- Thích đọc những chữ cái đã biết trong bảng chữ cái ở môi trường xung quanh.
MT100: Trẻ thể hiện sự thích thú với sách(CS80)	- Xem sách và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách, bắt chước viết hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe.
MT101: Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.(CS81)	- Giữ gìn sách, bảo vệ sách.

MT102: Trẻ có thể nhận biết ý nghĩa một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống.(CS82)	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (đồ dùng cá nhân, nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông....) - Biết các nhãn hàng hóa.
MT103: Trẻ có một số hành vi như người đọc sách.(CS83)	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Chỉ tên các phần của sách ; Bìa, tranh minh họa, tên sách, tên tác giả... giờ, lật, đọc từng trang từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.
MT104: Trẻ thích “ Đọc” theo truyện tranh đã biết.(CS84)	- "Đọc" theo truyện tranh đã biết với nội dung chính phù hợp các tranh vẽ; giờ tranh khi hết nội dung truyện.
MT105: Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói.(CS86)	- Nhận dạng các chữ cái. - Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu... để thay thế cho lời nói. - Trẻ hiểu rằng chữ viết có ý nghĩa và con người dùng chữ viết với nhiều mục đích khác nhau.
MT106: Trẻ biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.(CS87)	- Viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác. - Trẻ biết dùng, tạo ra và sao chép các ký hiệu, biểu tượng hoặc hình vẽ, ký tự có tính chất sáng tạo để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ của bản thân;
MT107: Trẻ thích bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái.(CS88)	- Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sao chép một số ký hiệu, chữ cái tên của mình. - Bắt chước hành vi viết trong vui chơi và trong hoạt động hàng ngày.
MT108: Trẻ biết “Viết” tên của bản thân theo cách của mình.(CS89)	- Trẻ biết ghép các chữ cái thành tên mình. - Nhận được tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ.

	- Sau khi vẽ tranh biết viết tên của mình phía dưới.
MT109: Trẻ biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.(CS90)	- Biết "viết" tên theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới; - Hướng viết của các nét chữ.
MT110: Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.(CS91)	- Biết được chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và trong hoạt động hàng ngày. - Biết rằng mỗi chữ cái đều có tên, hình dạng khác nhau và cách phát âm riêng. - Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng các âm đó. - Phân biệt được sự khác nhau giữa chữ cái và chữ số.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
MT111: Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.(CS27)	- Địa chỉ nhà, số điện thoại của bố (mẹ) và gia đình. - Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ. - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
MT112: Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.(CS28)	- Nhận biết, phân biệt trang phục phù hợp với giới tính. - Trẻ phân biệt được giới tính một cách rõ ràng và biết cư xử phù hợp với giới tính của mình.
MT113: Trẻ nói được khả năng và sở thích của bản thân.(CS29)	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Kể những việc mà mình có thể làm được, không làm được và giải thích được lý do.
MT114: Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện ý thích riêng của bản thân.(CS30)	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động; - Nêu hoặc lựa chọn được các trò chơi, hoạt động mà trẻ thích.
MT115: Trẻ cố gắng thực hiện công việc đến cùng.(CS31)	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao - Nhận công việc được giao mà không lưỡng lự.
MT116 : Trẻ thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc.(CS32)	- Thể hiện thái độ vui sướng, thích thú khi hoàn thành công việc (Khoe với người khác, ngắm nhìn kết quả đã làm được...)

MT117: Trẻ biết chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày.(CS33)	- Thực hiện công việc được giao (Trục nhật xếp, dọn đồ chơi)
MT118: Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.(CS34)	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".
MT119: Trẻ nhận biết được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác.(CS35)	- Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
MT120: Trẻ biết bộc lộ trạng thái cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, nét mặt. (CS36)	- Bày tỏ cảm xúc phù hợp với người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
MT121: Trẻ biết thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân bạn bè; (CS37)	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn bè và người thân. - Nhận ra tâm trạng của bạn bè, người thân (buồn hay vui)
MT122: Trẻ biết thể hiện sự thích thú trước cái đẹp.(CS38)	- Nhận ra được cái đẹp. - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát bản nhạc, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật... trẻ thích thú trước cái đẹp.
MT123 Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật nuôi quen thuộc. (CS39)	- Chăm các con vật ăn và ngắm nhìn, vuốt ve các con vật quen thuộc và chăm sóc, bảo vệ cây cối.
MT124: Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.(CS40)	- Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
MT125: Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích (CS41)	Sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số sung đột ; Kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá với sự giúp đỡ của người lớn.
MT126: Trẻ dễ chủ động hòa đồng trong nhóm chơi.(CS42)	- Trong nhóm chơi dễ hoà đồng, dễ nhập cuộc, được mọi người tiếp nhận, chơi vui vẻ thoải mái.

MT127: Trẻ chủ động giao tiếp với bạn bè và người lớn gần gũi.(CS43)	- Chủ động đến nói chuyện giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi; - Sẵn lòng trả lời các câu hỏi.
MT128: Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi.(CS44)	- Biết chia sẻ cảm xúc vui, buồn...với bạn bè và người thân, chia sẻ kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi.
MT129: Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp hoạn nạn khó khăn.(CS45)	- Yêu mến, quan tâm đến mọi người, sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn. - Khi thấy bạn cần sự giúp đỡ, chủ động đến giúp đỡ bạn. - Khi bạn hay người lớn yêu cầu sự giúp đỡ sẽ nhiệt tình đến giúp đỡ nhau.
MT130: Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên.(CS46)	- Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau.
MT131: Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.(CS47)	- Biết xếp hàng, vui vẻ chờ đến lượt, không chen ngang, không xô đẩy người khác, không tranh giành, không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
MT132: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc)	- Kính yêu Bác Hồ.
MT133: Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, kể chuyện...về Bác.	- Thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng Bác Hồ qua các bài hát, câu chuyện, bài thơ... về Bác.
MT134: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn...) <i>của địa phương</i> , quê hương, đất nước.	- Cảnh đẹp lớn của quê hương, đất nước: Vịnh Hạ Long, Lăng Bác Hồ; tết Nguyên Đán, ngày giỗ tổ Hùng Vương; trang phục áo dài....; - <i>Quan tâm đến di tích lịch sử như chùa Quỳnh Lâm, Khu di tích nhà Trần, Chùa Ngọa Vân.</i>
MT135: Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác.(CS48)	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng cử chỉ, lời nói lễ phép, lịch sự.
MT136: Trao đổi ý kiến của mình với các bạn. (CS49)	- Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.

MT137: Trẻ biết thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè.(CS50)	- Chơi với bạn và nhường nhịn bạn trong khi chơi và học. - Biết dùng nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn với bạn. - Không đánh bạn, không tranh giành đồ chơi, không la hét hoặc nằm ăn vạ.
MT138: Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.(CS51)	- Tham gia vào vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm. Nhận và thực hiện vai của mình trong các trò chơi cùng nhóm bạn. - Tôn trọng hợp tác chấp nhận, vui vẻ thực hiện nhiệm vụ.
MT139: Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.(CS52)	- Cùng bạn làm các công việc đơn giản và có thể chủ động làm trước các công việc và rủ bạn làm theo. - Phối hợp với bạn để thực hiện và hoàn thành công việc vui vẻ không xảy ra mâu thuẫn.
MT140: Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác(CS53)	- Có thái độ đúng đắn khi nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác.
MT141: Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn. (CS54)	- Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn. - Biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà; Biết xin lỗi khi biết mình đã mắc lỗi.
MT142: Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.(CS 55)	- Khi gặp khó khăn biết tìm sự hỗ trợ, biết sử dụng ngôn ngữ thích hợp để nhờ sự giúp đỡ của người khác. - Thể hiện sự hiểu biết khi nào thì cần nhờ sự giúp đỡ của người lớn.
MT143: MT PTCTGD Trẻ biết về một số quyền con người và quyền bất khả xâm phạm cơ thể.	- Dạy trẻ cách xác định và bảo vệ vùng riêng tư, quyền trẻ em - Tự bảo vệ bản thân tránh các nguy cơ bị xâm hại, bạo lực, trục lợi - Tìm kiếm sự giúp đỡ từ xung quanh khi có nguy cơ xảy ra.

MT144: Trẻ biết không nói leo, không ngắt lời người khác. (CS75)	- Chú ý khi nghe cô và bạn nói không ngắt lời người khác.
MT145: Trẻ nói được khả năng, sở thích của bạn và người thân.(CS58)	- Thể hiện sự quan tâm tới người khác bằng cách nói đúng khả năng và sở thích của một số người gần gũi.
MT146: Trẻ chấp nhận sự khác biệt của người khác với mình.(CS59)	- Nhận ra và chấp nhận sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác. - Không chê bai bạn bè.
MT147: Trẻ quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.(CS60)	- Biết chia sẻ, nhường nhịn quan tâm đến sự công bằng trong nhóm chơi.
MT148: Trẻ nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường.(CS56)	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi ‘Đúng- sai’ ‘Tốt- Xấu’ của con người với môi trường.
MT149: Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.(CS57)	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Tiết kiệm điện, nước. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
MT150: Trẻ thực hiện một số qui định ở gia đình và nơi công cộng.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng. - Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ. - Trật tự khi ăn, khi ngủ. - Đi bên phải lề đường.
MT151: Tự mặc, cởi được áo quần (CS5)	- Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây. - Mặc các loại áo chui đầu, đóng cúc áo sao cho hai vạt áo bằng nhau.
MT 152: Không nói tục, chửi bậy(CS78)	Không nói tục, chửi bậy

PHÁT TRIỂN THẨM MĨ	
MT153: Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT154: Trẻ nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc.(CS99)	- Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca, bài hát, bản nhạc dân tộc, nhạc cổ điển...) - Nghe và nhận biết một số giai điệu bài hát của nước ngoài quen thuộc.
MT 155: Trẻ thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.(CS101)	- Thể hiện cảm xúc, thái độ, tình cảm và vận động nhịp nhàng phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT156 :Hát đúng giai điệu, bài hát trẻ em.(CS 100)	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
MT157:Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản.(CS102).	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.
MT158: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo thành bức tranh cá màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
MT159:Trẻ có thể đặt tên mới cho đồ vật, đặt lời mới cho bài hát).(CS117).	- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).

MT160: Trẻ thể hiện ý tưởng của bản thân qua các hoạt động khác nhau(CS119)	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát bản nhạc yêu thích. - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
MT161: Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT162: Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.(CS103)	- Trẻ nói được ý tưởng khi tạo ra sản phẩm tạo hình của mình, nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.
MT163: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm của mình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.

Dự kiến chủ đề, thời gian thực hiện.

TT	TÊN CHỦ ĐỀ	Số tuần	CÁC SỰ KIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Trường Mầm non		Tết trung thu	3 tuần: Từ 09/09/2024 đến 27/9/2024	
2	Bản thân		Ngày 20/10	3 tuần: Từ 30/9/2024 đến 18/10/2024	
3	Gia đình	-		4 tuần: Từ 21/10/2024 đến 15/11/2024	
4	Nghề nghiệp	-	Ngày nhà giáo Việt Nam (20/11)	4 tuần: Từ 18/11/2024 đến 13/12/2024	
5	Lữ đoàn tăng thiết giáp 405	-	Ngày 22/12 TLQĐNDVN	2 tuần: Từ 16/12/2024 đến 27/12/2024	
6	Giao thông			2 tuần: Từ 30/12/2024 đến 10/01/2025	
7	Mùa xuân	-	Tết Nguyên đán	2 tuần: Từ 13/01/2025 đến 24/01/2025	
		Nghỉ tết từ 27/1/2025-08/2/2025			
8	Thế giới thực vật	-	-Ngày 08/3	4 tuần: Từ 10/02/2025 đến 07/03/2025	
9	Thế giới động vật			4 tuần: Từ 10/3/2025 đến 04/4/2025	
10	Nước và Các hiện tượng tự nhiên			2 tuần: Từ 07/04/2025 đến 18/04/2025	
11	Quê hương, Đất nước, Bác Hồ			3 tuần: Từ 21/04/2025 đến 09/05/2025	
12	Trường Tiểu học		Ngày Sinh của Bác Hồ	2 tuần: Từ 12/05/2025 đến 23/05/2025	35 TUẦN

V. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC

1. Các hoạt động giáo dục

a. Nhà trẻ

(1). Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hơn hờ, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

(2). Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

(3). Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

(4). Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

(5). Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

b. Mẫu giáo

(1). Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.

- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

(2). Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

(3). Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

(4). Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nề nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

2. Hình thức tổ chức

a. Nhà trẻ

(1). Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

(2). Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

(3). Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

b. Mẫu giáo

(1). Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

(2). Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

(3). Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

3. Phương pháp giáo dục

a. Nhà trẻ

(1). Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gắn bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

(2). Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

(3). Nhóm phương pháp thực hành

a) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

b) Trò chơi

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

c) Luyện tập

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

(4). Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

(5). Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

b. Mẫu giáo

(1). Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

(2). Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

(3). Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

(4). Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

4. Tổ chức môi trường giáo dục

a. Nhà trẻ

(1). Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở[32], tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động[33], đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- + Trẻ dưới 12 tháng tuổi có khu vực đủ rộng cho trẻ trườn, bò, đi men và chơi với các đồ chơi phát triển các giác quan, các thiết bị đồ chơi cho trẻ tập đi, tập vận động.

- + Trẻ 12 - 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản.

- + Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

(2). Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

b. Mẫu giáo

(1). Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.
- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.
- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

(2). Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

VI. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

1. Nhà trẻ

ĐÁNH GIÁ TRẺ HẰNG NGÀY

(1). Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

(2). Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

(3). Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

(1). Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

(2). Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

(3). Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

(4). Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (6, 12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

2. Mẫu giáo

ĐÁNH GIÁ TRẺ HẰNG NGÀY

(1) Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

(2) Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

(3) Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

(1). Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

(2). Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

(3). Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.

- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

(4). Thời điểm và căn cứ đánh giá

Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.

- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Đối với Hiệu Trưởng

- Quán triệt chủ trương, định hướng phát triển chương trình của nhà trường tới toàn thể CBQL, GV, NV
- Ra quyết định thành lập tổ chuyên môn, nhóm xây dựng chương trình
- Hiệu trưởng phê duyệt chương trình giáo dục nhà trường
- Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục nhà trường tới đội ngũ.
- Chuẩn bị tốt cơ sở vật chất, kinh phí để thực hiện chương trình.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên xây dựng kế hoạch soạn giáo án trên máy vi tính, đầu tư mua các tài liệu cho

CBGV tham khảo

2. Đối với phó Hiệu trưởng

- Kiểm tra, đôn đốc, giám sát, hỗ trợ các tổ chuyên môn và giáo viên trong quá trình thực hiện.
- Tổ chức cho CBGV đi tham quan học tập các trường trọng điểm trong huyện, trong tỉnh.
- Tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm, đánh giá, điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường cho phù hợp.

3. Đối với tổ trưởng

- Phối hợp với BGH kiểm tra việc xây dựng và thực hiện kế hoạch, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch.
- Phối hợp với BGH bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên. Sinh hoạt tổ chuyên môn vào tuần 2 và tuần 4 hàng tháng.

Tuần 1, tuần 3 các khối kiến tập dự giờ đồng nghiệp, chuẩn bị nguyên vật liệu phục vụ cho mỗi chủ đề.

- Căn cứ vào kế hoạch của nhà trường tổ trưởng, khối trưởng xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục từng chủ đề phù hợp với từng độ tuổi về yêu cầu phát triển các lĩnh vực.

4. Đối với giáo viên

- Xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch giáo dục tháng/chủ đề, kế hoạch giáo dục tuần, ngày linh hoạt phù hợp với nhận thức của trẻ và điều kiện của nhóm, lớp.
- Thực hiện tốt việc đánh giá trẻ và điều chỉnh kế hoạch.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động.
- Tích cực bồi dưỡng chuyên môn, đặc biệt ứng dụng các phương pháp tiên tiến vào dạy trẻ như phương pháp Montessori, steam, tổ chức các hoạt động cho trẻ thông qua vui chơi, trải nghiệm để trẻ nắm bắt kiến thức, kỹ năng.

VIII. ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Sau quá trình đánh giá sự phát triển của trẻ (đánh giá trẻ hằng ngày, đánh giá trẻ theo giai đoạn, đánh giá trẻ cuối chủ đề) để thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục của nhà trường từ đó nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường một cách phù hợp.

Trên đây là Chương trình giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 của trường mầm non Hoa Anh Đào yêu cầu CBQLGV xây dựng các loại kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định phù hợp với độ tuổi, điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp. Trong quá trình thực hiện có sự điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh thực tế để đạt được kết quả tốt nhất trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường./.

**T/M HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Thu